

Phụ nữ

tân.văn

DEPT. LEGAL
1000P
Nº 1 224



M^{me} PAUL LUÂN
Một viên nữ tướng trong quân HỒNG-THẬP-TỰ
(xem bài số 101)

DEPT. LEGAL
1000P
Nº 1 224

== O\$15 ==

NĂM THỨ NĂM

ngày 7 Sept. 1933

== 215 ==

PHỤ-NỮ' TÂN-VĂN - JOURNAL DES FEMMES

TUẦN BÁO XUẤT BẢN NGÀY THỨ NĂM

Sáng lập tại Saigon năm 1929

Điện thoại số: 566

Điện tín để: PHUNUTANVAN Saigon

GIÁ BÁO:

Trọn năm.....	5\$00
Sáu tháng.....	2.80
Ba tháng.....	1.50
Một tháng.....	0.50
Mỗi số.....	0.15

GIÁ ĐĂNG QUẢNG CÁO

Một trương.....	80\$00
Nửa trương.....	45.00
Một phần tư.....	25.00
Một phần tám.....	13.00

Thư từ và mandat mua báo xin để cho:
M^{me} Nguyễn-Đức-Nhuận, Chủ-nhơn Phụ-nữ Tân-văn,
48, Rue Vannier - SAIGON

Đăng từ 6 tháng trở lên sẽ có giá nhẹ hơn.

MỤC-ĐÍCH PHỤ-NỮ' TÂN-VĂN

Phổ thông tri thức và bình vực quyền lợi của phụ nữ

Các bạn xa gần có cảm tình cùng bồn-báo, giúp cho bài vở và ý kiến, bồn-báo rất hoan nghinh. Những bài lại cáo đã đăng báo và không đăng được, bồn báo không thể trả bồn thảo lại.

Thằng nhỏ ba tuổi, mạnh mẽ lạ thường.

Em nhỏ Lê-văn-Phát, năm nay được ba tuổi, mập mạp, mạnh mẽ lắm. Hồi nó mới hai tuổi, ai cũng tưởng nó phải chết non, cha mẹ nó hết sức buồn, vì nó có chứng bang, hay nóng lạnh, đồ mồ hôi trắng, trớ dờ, buồn bã lắm, một tháng đau không biết mấy lần, hề an đồ trúng thì chứng bang tái lại. Bình nó làm khổ cho cha mẹ nó vô cùng, may nhờ có người điếm chỉ cha mẹ nó mua có ba gói thuốc CHỈ-LINH-TÂN cho nó uống đến nay tuyệt gọc bang, hết nóng lạnh. Hết bình, nó lại mập mạp, mạnh mẽ lạ thường. Thuốc CHỈ-LINH-TÂN này, gia truyền hơn mấy đời người, cứu được không biết bao trẻ con mang bệnh. Nhà bảo chế, chỉ như một món thuốc này làm nên sự nghiệp. Tôi vì được nghe muốn ngan người lằng khen là thần dược, nên nài nỉ xin làm đại-lý độc quyền, phổ thông thuốc này khắp cả Đông-Pháp, hầu cứu bình trẻ con. Thuốc đang công hiến cho đời, chớ không dám vào ngôn thủ lợi; dùng rồi, mới rõ lời nói tôi đúng với sự thật. Có bạn nơi các gare xe điện từ Bình-tây tới Thủ-dầu-một, ở xa muốn mua xin do nơi Madame Nguyễn-thị-Kính chợ mới Saigon và nơi Nguyễn-văn-Đức 11, rue Caisse Hanoi

NÊN DÙNG

Dầu TU BI

THIỆT TỐT NHẤT

Xấu đời ra đẹp trong 3 ngày



Crème Tokalon, màu trắng, là 1 chất bôi, trong 3 ngày nó đổi hẳn da mặt, làm cho da tươi nhuận và đẹp dễ lắm. Không có cách nào khác mà được hiệu-nghiệm như vậy. Phải dùng Crème

này mỗi bữa sớm mai.

Qui bà muốn cho da mặt đừng nhăn-nhều, đừng mau già, thì nên dùng Crème Tokalon, thứ màu trắng. Thứ này phải thoa mỗi buổi tối, trước khi đi ngủ, nó sẽ làm cho da mặt hết nhăn và trẻ lại.

Đại-lý độc-quyền Namkij và Cao-miên
Malson: G. Rietmann Saigon.

PHỤ-NỮ' TÂN-VĂN

NĂM THỨ NĂM, SỐ 215

Ngày 7 Septembre 1933

Chủ-nhơn:
M^{me} NGUYỄN ĐỨC NHUẬN

PHỤ-NỮ' CHỦ-NGHĨA

PHỤ-NỮ CHỦ-NGHĨA HAY LÀ NỮ-QUYỀN LÀ GÌ?

Là cuộc vận-dộng của dân-bà đề đạt cái mục-dịch bình-dẳng với dân ông. Muốn cho khỏi tranh-biến dài-dòng về danh-tử, chúng tôi mời chị em nhìn cái thiết-trạng của toàn-thể nữ-lưu. Cái thiết-trạng ấy ra thế nào?

Thiết-trạng ấy là một cái thiết-trạng kém hèn; là một cái thiết-trạng bất-bình-dẳng. Thật vậy, một nửa xã-hội không có quyền mà chỉ có bổn-phận (nghĩa-vụ); sự sống của mười triệu dân-bà Annam rất là hẹp-hòi. Ngoài bếp-núc, phòng-the, nhà cửa ra; ngoài lúc đi làm ở nơi ruộng vườn, chợ-búa xưởng-trại ra, hết thấy hay là hầu hết dân-bà không còn hành-dộng gì được nữa.

Các báo vẫn đăng tin luôn về nạn phụ-nữ tự-sát để tỏ ý bất-bình hay là thất-vọng về hôn-nhơn cưỡng-bách. Những cử-dộng kịch-liệt ấy bày tỏ ra một cái tình-trạng đau-dớn của nữ-lưu.

Dân-bà ẩn trong chùa để trốn sự tàn-bạo của gia-dinh; phụ-nữ bị khổ vì chế-độ da-thê mà chết mòn trong những tư-thất của kẻ vị-kỳ; «chị em» trong các xóm bình-khang; ấy đó là bao nhiêu chứng cớ của sự bất-bình trong bọn chúng ta về phương-diện luân-lý.

Về phương-diện kinh-tế, thị dân-bà ngày nay đã đi làm các công sở và xưởng, trại. Ai còn lạ gì tiền công-nhật, tiền lương tháng của hầu hết dân-bà đi làm đều kém bạn dân ông?

Về chánh-trị, thì dân-bà chưa có một lý-quyền nào cả.

Trong các cuộc tuyển-cử ở xứ ta, dân-bà không được dự để nhơn dịp ấy mà cổ-dộng và bảo-thủ quyền-lợi của mình.

Song le, như trên đã bàn dân-bà, không những là thiệt về mọi đường quyền-lợi trong chánh-trị và kinh-tế mà thôi, chị em lại còn khổ vì lòng ích-kỷ của nam-tánh. Lòng ích-kỷ ấy phát-biểu ra ở luân-lý bất-bình-dẳng. Trong khi chị em vận-dộng để thiết-hành thuyết « luân-lý đồng nhứt » (nghĩa là đồng cho nam nữ, chứ không được để cho dân-bà một thứ đạo-đức đặc-biệt); chị em cũng vận-dộng về mọi phương-diện có quan-hệ đến sự sinh-tồn của đoàn-thể mình.

Có người lấy gương những bà X. Y. Z. nào khiêu-vô, hay lăn-lướt chổng trong nhà, ngồi ô-tô, ở nhà lầu, đeo hột xoàn, mà bảo rằng dân-bà đã bằng quyền dân ông !

Họ bàn luận thiên lịch như vậy cốt để cho chị em chú-ý đến những vấn đề lặt-vặt không quan-hệ gì đến cuộc vận-dộng của chị em là một cuộc vận-dộng có tên trong lịch-sử. Một cuộc vận-dộng quan-hệ đến nhân-quần !

Thật sự, chỉ có kẻ nào bị lòng ích-kỷ làm mờ tối mới không thấy rằng tình-trạng của phụ-nữ Annam cũng như tình-trạng của hầu hết dân-bà trong thế-giới là một cái tình-trạng khổ-nhọc.

Chị em không nên quan-tâm đến sự sung-sướng riêng của một thiểu-số đại-các mà chỉ phải thiết tha đến quyền-lợi của phần đông nữ lưu ở thành-thị và thôn quê.

Bởi vậy chị em sẽ bắt chước dân-bà nhiều nước ở Âu-châu, ở Thổ-nhĩ-kỳ, Ai-cập, Ấn-độ, Phi-luật-tân, Tàu, Nhật, vân vân, mà tổ-chức và hành-dộng để thủ tiêu những sự bất-bình-dẳng giữa nam nữ — để yêu cầu về mọi đường kinh-tế và chánh-trị. Như vậy là chị em lo về sự sanh-tồn (về vật-chất và tinh thần) của nửa phần xã-hội Annam.

Phu nữ tân văn

CUỘC ĐÒI VỚI Ý TÔI

Tuần trước, chúng tôi có bàn về những lời tuyên-bố rất hệ-trọng của Déat tại cuộc hội-ngập của đảng xã-hội.

AI đã thấy giáo-sư Déat nói ở những cuộc mít-tin tại Pháp rồi, nay đọc những lời tuyên-bố của ông ta không khỏi sinh lòng lo sợ ! Con người ấy tự xưng là tay bình-vực lợi quyền của thợ thuyền mà khi đứng trên diễn đàn tỏ ra một cái thái độ kiêu căng rất đáng ghét. Nay xướng ra sự chia rẽ trong đảng xã-hội, đến nỗi đảng-trưởng là Léon Blum phải nổi giận :

— Nghe những lời tuyên-bố này tưởng chừng như nghe đọc chương trình đảng quốc-gia xã-hội !

Đảng quốc-gia xã-hội của Hitler há không nói lo cái lương số phận của người thợ thuyền ư ? không phản đối (suông) từ bản chủ nghĩa ư ? Hitler từ trước đã phỉnh thợ thuyền thế nào, thì nay Déat cũng thế. Ông này cho rằng đảng xã-hội không biết hành động; không biết kéo người trong giai cấp trung lưu về phe thợ thuyền ; lại nói rằng cần phải có một « quốc gia mạnh » (un Etat fort) là đã tỏ ra cái chương trình hành động của đảng « quốc-gia xã-hội » Pháp.

Ngày nay nhờ vì thợ thuyền ở các nước phần-đầu kịch liệt, những kẻ theo tư-bản chủ nghĩa cũng đổi cách đối với người vô-sản. Bây giờ, những kẻ tinh ranh nhất trong bọn muốn bảo thủ chế-độ cũng nói luôn về xã-hội chủ nghĩa, tức là nói về cái chủ nghĩa thủ tiêu tư-sản, đổi các cơ-quan sinh sản, máy móc, điền địa vân vân, thành « xã-hội hóa » nghĩa là của xã-hội.

Họ nói luôn về chủ nghĩa này, rồi họ thêm vào : « Nhưng vậy mỗi nước trình độ mỗi khác ; chúng ta phải lo việc xã-hội ta, nghĩa là phải gây nên một « quốc gia mạnh ».

Gọi là « quốc gia mạnh » thì đã có ở Ý và ở Đức. Ở xứ ấy đã văn minh tân tiến biết bao nhiêu, Mussolini và Hitler dựng nên chánh thể độc tài ; Quyền tự do hội hiệp và tự do ngôn-luận bị bắt hết, hằng vạn chiến sĩ thợ thuyền bị tù và bị đầy !

Hai ông chuyên chế ấy khi xưa thỏa mãn nhà ngân hàng và đại tư bản bấy nhiêu thì nay cũng phụng-sự họ hết lòng bấy nhiêu.

Sở dĩ bọn độc tài nổi lên ở Đức và có cơ sở gây nên ở Pháp như ngày nay là do vì đảng xã-hội, nghĩa là đệ nhị, quốc tế mà ra cả.

Quốc tế, nghĩa là hội liên lạc các nước ; đây là liên lạc lao động các nước. Từ 1848 tới nay có ba hội quốc tế. Hội đầu bị giải tán hồi năm 1889 ; hội thứ hai còn tới ngày nay tức là cái quốc tế xã-hội. Quốc tế thứ ba là hội các đảng Cộng-sản, tức là đảng của những người cho rằng bọn làm đầu đảng xã-hội phản bội thợ thuyền và sửa đổi chủ nghĩa, làm thành một cái thuyết cải lương ; vì thế mà họ tách ra. (Phần nhiều lãnh tụ hội sau này trước thời Âu chiến ở trong đảng xã-hội).

Tình trạng ở Pháp đã qua cái thời kỳ yên ổn tạm thời. Nay là đã bắt đầu có nguy cơ phát xít ! Bọn phát xít ở Pháp trong các lời tuyên ngôn của họ đã thấy nói đến sự đứng sức các thuộc địa để giải nguy cho kinh tế Pháp.

NGUYỄN HỘI

« Nam-kỳ văn-sĩ tương - tế hội ».

Có mấy bạn thanh-niên, ưa làm hơn văn-chương bảo, đương vận-dộng tổ-chức một hội văn-sĩ trong Nam-kỳ được nhiều bạn đồng-nghiep tán-thành.

Theo bản điều-lệ mà người xướng-xuất cho, chúng tôi xem, thì hội này lo giúp hội-viên trong các cảnh ngộ này : thất - nghiệp, quang hôn tang chế, đau yếu. Hình như hội cũng lo về tinh-thần nghĩa là hội sẽ giúp hội-viên về đường học vấn (diễn-thuyết, v.v.)

Hội sẽ có thầy kiện giúp người hội-viên hữu sự ; sẽ thương-lượng

với các nhà in để lấy giá đặc-biệt cho văn-sĩ nghèo.

Chờ khi nào được nhiều người tán thành thì đại-hội sẽ nhóm lần đầu thảo-luận về điều-lệ, rồi sẽ đưa đơn lên Chánh-phủ :

Ông Bùi-công-Tri, nhà số 23 đường Douamont, là một người trong ban xướng-xuất có cái - nghĩa cho chúng tôi biết rõ điều này : không cứ ai làm nghề viết văn (tiểu-thuyết, kịch-bản, các báo chí) đều có thể vào hội tương-tế này.

Chúng tôi tưởng hội này ra đời cũng hợp thời, vì văn-sĩ thất nghiệp nhiều quá.

62 nhà cách mạng trước tòa tiểu-hình

AI cũng còn nhớ cách nay hơn một năm có nhiều người cách-mạng bị bắt ở Cầu-kho, Mytho và Bentre. Bấy giờ, chánh-phủ lai-cáo cho các báo rằng : đây là người cộng-sản lên hợp địa-phương hội-ngập. Nghĩa là hợp hội nghị các phái-viên của đảng cộng-sản trong địa-phương Nam-kỳ.

Hồ-sơ vụ này Bồi-thẩm Bonhoure đã xét. Sáng 1er Septembre 62 người bị bắt giam hơn một năm nay đã bị đem ra trước tòa tiểu hình.

Cái chi-bộ của họ tổ-chức ở trong đường hẻm Cầu-kho, Chợ-quán, vân vân. (òn Vĩnh-long, Mytho, Sadec cũng có cuộc tổ-chức của họ : Trong số 62 người cách-mạng ra tòa hôm nay, có mấy người dân-bà.

Xét lời khai của bị cáo hình như trong bọn cách mạng bị bắt đây, có nhiều người không phải

PHU NU TAN VAN

là ở trong đảng cộng-sản, mà là trong các hội thợ-thuyền bất-hợp pháp.

4 người 2 tháng tù
10 người 3 tháng tù
2 người 7 tháng tù
12 người 8 tháng tù
2 người 9 tháng tù
12 người 10 tháng tù
15 người 15 tháng tù
2 người (thầy khản-hộ Trần-văn-Quan là một) 2 năm tù.

500 kí-lô thuốc phiện lậu tại sông Cầu.

Đêm 25 Aout, viên chủ sự Thương-chánh Xuân-dang ở tỉnh Sông Cầu (Trung-kỳ) cùng nhiều người dõ và lính thương chánh khác có soát một chiếc ghe Nhật-bồn.

Nguyên viên quan tư cai quản chiếc tàu De Lanessan gặp chiếc ghe này ngoài khơi, hỏi giấy má không có thì đem về bến Xuân-dang để xét lại.

Xét năm tiếng đồng hồ không được việc gì, lính cùng M. Caizaroni đã tỉnh lui... Tỉnh-cờ một người lính lại tìm thấy 24 bao giấu dưới khoan ghe, lộn với thùng dầu mazout. Trong 24 bao này có 500 kí-lô thuốc-phiện!

Thụt kết.

Tiếng thụt « kết » (caisse) đã thành ngữ rồi. Vì gần đây, số người chức việc tây nam giữ kết

mà lấy tiền trốn đi thường lắm.

Lan rlay một người Annam làm chủ sở Bưu-điện Hốc-môn trốn, vì đã tiêu 400 đồng của sở. Anh ta có tình-nhơn mà vào hời khùng-hoảng không biết chạy ở đâu ra tiền tiêu với người yêu, thành ra phải « thụt kết ».

Báo ra nhiều quá.

Gần đây báo pháp văn và nam văn đua nhau xuất bản ở ba kỳ.

Số độc-giả vẫn có hạn, mà báo ra nhiều như vậy thì sự cạnh-tranh sẽ rất kịch liệt. Các tờ báo nhỏ (nhỏ vì nghèo) muốn được sống tất lại sẽ mở rộng cột báo để cho đại-biểu của các cánh thanh-niên và lao-động phổ bày tư-tưởng của mình.

Như vậy, sự báo chí ra đời nhiều và cạnh-tranh kịch - liệt không phải là một điều bất lợi cho dân chúng đâu.

« Đức không khi nào chịu rời bỏ La Sarre »

La Sarre là một quận lớn ở giữa hai nước Pháp Đức. Diện-tích 193.000 kí-lô-mét vuông, hơn số được 650.000 người. La Sarre giàu về mỏ than đá.

Sau trận Âu-chiến, La Sarre thuộc về một ban ủy-viên của hội Quốc-liên quản trị.

Mới rồi có 20.000 dân xứ ấy biểu-tình chung-quanh đài kỷ-niệm Germania ở Ruedeshem-sur-

Rhin, tỏ lòng trung thành với Đức Đồng-thời Hitler lại đến Wiesbaden tuyên-bố : « Đức-quốc không khi nào chịu rời bỏ La Sarre, cũng như dân Sarrois chẳng chịu rời bỏ nước Đức. Dân Đức không có ngày vui mừng nào hơn là ngày La Sarre trở về với nước Đức. »

Ở Neunkirchen lại có 15.000 người đến nghe ông Braun, lãnh-tu đảng xã-hội ở La Sarre, và cũng là tay thủ địch ghê gớm của Hitler, diễn thuyết.

Ông Braun nói : « Chúng ta phải làm cho La Sarre được tự-trị ; La Sarre sẽ thành ra một cái dây liên-lạc Pháp, Đức ; La Sarre là một cái đồn lũy kiên-cố để chống cự với chủ-nghĩa quốc-gia xã-hội Đức (tức là đảng Hitler).

Braun lại nói : « Bọn quốc-gia xã-hội Đức muốn thủ đoạt La Sarre, song nếu ai hăm dọa và thôn tính, thì dân Sarrois sẽ dùng vũ-lực trả báo họ lấy nền tự-trị của mình ! »

Xem đó thì biết các tay chánh khách như dịp dân Đức bất bình về sự mất vùng Sarre, mà nói khoát-lác để được lòng dân. Thật dân Đức ngày nay vì khổ quá, bất bình đối với điều-ước Versailles, song cũng không thích các tay chánh-khách của họ.



Cái đời gian truân lưu lạc của Cụ PHAN-VĂN-TRÙ ÔNG

(V)

Tôi tưởng cần nên thanh minh một lượt nữa để độc giả đọc bài truyện-ký này được biết rằng tôi biên chép chỉ theo phạm vi cái tựa đã nêu lên mà viết. Nghĩa là chỉ nói về cái đời gian truân lưu lạc của Phan-công, mà thiên trọng về phần đời tư việc tư hơn là đời công việc công. Cao thượng, nhân nại, tận tâm, quân tử, v.v... Tôi tưởng những cái đạo đức cá nhân đó của Phan-công, đủ treo tấm gương sáng cho thanh niên chúng ta, khoan cần nói đến việc khác.

Những đạo đức cá nhân trên đây của Phan-công, đều thấy trong lúc gian truân lưu lạc bày tỏ ra, cho nên tôi muốn thuật chuyện ra cùng nghe. Chủ nào chuyện này bây giờ có bấy nhiêu đó, còn phương diện nào khác, tôi xin để cho người cầm bút mai sau.

V. A.

(Tiếp theo số 214)

VII. — Diễn-thuyết ở trường Cao-dẳng Xã-hội-học

Trên kia đã nói rằng trong cái thời-kỳ ta đang nói chuyện đây, cụ Trường đã có danh-vọng, kết giao với nhiều người vào hạng có thế-lực ở Paris. Chá nh-giới, luật-giới, văn-giới, cụ đều oó quen biết ít nhiều người ; các ông ấy thương tài mẫn hạnh của cụ lắm.

Cuối năm 1913, trường Cao-dẳng Xã-hội-học (École des Hautes Études Sociales) tổ-chức nhiều cuộc diễn-thuyết để nghiên-cứu các vấn-đề quan-hệ về xứ Đông-dương. Trường ấy mời toàn những chánh-khách văn-nhơn nào thâm-hiểu tình-thế Đông-dương tới để diễn-giảng : kỳ nay ông này, kỳ khác ông kia. Ví dụ như quan cựu Toàn-quyền L. de Lanessan ; văn-sĩ Albert de Pouvoirville ; nhà kinh-tế-học đại-danh Charles Gide v.v... Coi vậy thì biết cuộc diễn-giảng này có giá-trị và có ý-nghĩa lắm.

Cụ Trường cũng là một người bị mời đi diễn-giảng. Vì người ta nhìn nhận cụ là một nhà trí-thức xứng đáng làm đại-biểu cho ý-kiến của dân Việt-nam, cho nên họ mời, để cụ bày tỏ ý-kiến cho họ biết. Nhà trường viết thư mời một cách trân-trọng lắm, không lẽ từ chối được, cho nên cụ phải vui lòng nhận.

Vấn-đề cụ định nói, là những điều thỉnh-cầu của dân bản-xứ, và định ngày 13 Mars 1914, là phiên cụ diễn-giảng.

Trước ngày đó ít lâu, giáo-sư Charles Gide lấy tình quen biết, có viết thư nói cho cụ hay tin rằng trong chánh-giới người ta thấy cụ tính diễn-giảng về vấn-đề kia, thì lấy làm chủ ý lo ngại lắm, bởi vậy ông khuyên cụ tới bữa nói, hãy do dẫn lời nói mà nói vừa vừa cho. Cụ viết thư đáp lại nhà bác-học đại-danh ấy rằng : tuy nói về vấn-đề vậy đó, nhưng cụ sẽ đặt nó vào phương-diện triết-lý và lịch-sử mà nói, chứ không động gì tới chánh-trị

Các bạn trẻ đã tới ngày thỏa nguyện!

Số báo Đặc-biệt cho Nhi-đồng sẽ xuất-bản trong tháng Septembre này.

Các điều của bạn trẻ mơ ước bấy lâu thì nay đã thành sự thật : Ấy là tập báo cho Nhi-Đồng xuất bản.

Các học-sanh nam nữ, các bạn trẻ từ trong thôn quê cho tới thành thị ! hãy đón xem tập báo Nhi-Đồng ! B. B.

.....

Thiệt tới bữa diễn-giảng, cụ chỉ đứng về phương diện lịch-sử và triết-lý mà bày tỏ ý-kiến của dân Việt-nam trông mong ở nước Pháp một cách thâm thiết cao xa ra thế nào, và thỉnh cầu nước Pháp ban hành cho những việc sửa sang thiết yếu là những việc gì? Tư-tướng chánh-dân mà thiết-thực, lời lẽ êm ái mà thâm-trầm, thỉnh-giã bữa đó đều khen là một bài diễn-giảng hay.

Song danh-vọng học-vấn của cụ càng được các nhà tri-thức công bằng ở nước Pháp đem lòng kính mến chừng nào, thì phe không ưa cụ lại càng thêm ghét và quyết làm cụ gian-truân khổ sở chừng ấy.

VIII. — Ra lính vô tù

Độc-giã đã biết thời kỳ tôi đang kể chuyện đây, cụ Phan đã được nước Pháp cho vào quốc-tịch tây và cụ đã đậu cử-nhơn Luật-khoa rồi, đang ngồi ở nhà trọ nghiên cứu tài liệu để viết bài luận-án thi tấn-sĩ.

Bây giờ tới kỳ Âu-chiến, cái nghĩa-vụ của cụ làm dân Pháp huộc cụ phải ra lính để ra trận.

Hồi cụ diễn-thuyết ở trường Xã-hội-học là ngày 13 Mars 1914. Lúc bấy giờ tình-hình bán-giao của hai nước Pháp Đức đã thấy khó khăn lắm rồi, ai cũng biết trước thế nào một lần bi-kịch sẽ phải diễn ra nay mai. Như cái tình-hình ấy, nên chỉ trong bài diễn-thuyết đêm 13 Mars, cụ Phan có dẫn ra ít nhiều lời của các bậc hiền-triết Trung-quốc ngày xưa thường dạy rằng chiến-tranh là một cái đại-họa trên đời, nó gồm ghiếc thãm-thê người ta phải tránh đi mới được. Như là cụ dẫn cái chủ-nghĩa « Phi-công » (bài bác sự chiến-tranh) của Mặc-tử, được thỉnh-giã vỗ tay vang rân và trăm trở khen ngợi là một người bác-học.

Cuối tháng 7 năm đó, nước Pháp hạ lệnh « tổng động-viên » (mobilisation générale) kêu hết dân trong nước ra lính đi trận.

Liên ngày thứ ba, cụ ra đăng lính.

.....

Ra lính, cụ đăng vô đội bộ-binh 102 đóng ở Chartres. Đi luyện tập, đi canh gác, đi làm cõ-vê, nhà binh đủ thứ cực nhọc, tuy người cụ thấp lùn như thế mà sức lực khỏe mạnh, gánh vác phận-sự rất là vụn tròn. Mỗi bữa cụ ra châu-thành ăn cơm nhà hàng; không phải là chẻ cơm trong trại khó ăn, mà vì có cái gáo-mén vẫn dùng đi lãnh phân ăn, bị đưa nào ăn cấp mất, thành ra cụ phải tốn tiền ra ăn ở ngoài.

Khoảng cuối tháng 8, cụ tiếp được thư của mấy người cháu ở Paris gửi về Chartres báo tin cho hay rằng nhà cụ ở đường Bertholet tại Paris đã bị xét và lấy hết nhiều giấy tờ đem đi.

Tiếp được tin ấy lấy làm lạ lùng, cụ liền viết thư về Paris cho ông trạng-sư chủ-tịch (batonnier) Henri Robert hay; ông này vội vàng trả lời rằng: — « Tôi đã tiếp thư của ông, để tôi lo liệu công việc giúp ông ». Thế rồi cụ vẫn yên tâm ở trong trại lính, chờ cho việc khám xét kia kết-quả ra sao thì ra, không lo không sợ gì hết. Cụ có cái tánh rất hay, là lúc lâm nguy ngộ biến thế gì, cũng giữ được thái-độ trấn tĩnh như thường. Tánh ấy chỉ có những người học-vấn uyên-thâm lắm mới có.

Ta nên biết ông Henri Robert, hiện giờ đang còn vừa là một nhà trạng-sư lão-luyện đại-tài, vừa là nhà văn-chương hữu danh, có chừa trong Hàn-lâm-viện nước Pháp, nổi tiếng khắp-thế-giới đã ba chục năm nay. Lúc cụ Phan đậu cử-nhơn luật-khoa và đăng lên vô sổ trạng-sư ở Paris rồi, thì được ông Henri Robert thương vì hạnh, trọng vì tài, có lòng hậu-dãi mến yêu cụ lắm. Bởi vậy từ đó về sau, mỗi lần cụ gặp chuyện khó khăn gì, ông Henri Robert đều sẵn sóc giúp đỡ cho luôn. Một người được bọc danh-nhơn như ông Henri Robert đem lòng tri ngộ, thì độc-giã đã biết người ấy có giá-trị thế nào vậy.

Hôm 12 tháng 9, trong khi cụ với anh em đồng ngũ đang tập ở giữa sân trong trại, thì có hai người sơn-dầm đi xe hơi lại, một người vô trình quan binh rồi kêu cụ ra mà nói:

— Tôi vắng lệnh bắt chủ, vì chú can - phạm vô một vụ âm-mưu.

Bữa sau, cụ bị giải về Paris để ra trước tòa án

binh xét xử. Quan ba Caron vàng mạng tòa giao cho lấy khai về việc cụ trước khi đem ra tòa xử. Ông Henri Robert hay tin cụ bị bắt ở Chartres giải về, đang ngồi chờ trước phòng quan ba Caron, thì ông lại đặt tới thăm và ngỡ ý sẽ hết lòng với công việc của cụ.

— Thưa ông, đến khi nếu phải ra tòa, xin ông đừng ra bảo chữa giúp tôi có được không?

Cụ hỏi như vậy, thì ông Henri Robert nói:

— Tiếc quá! lúc này tôi nghĩ cái. Song ông đừng lo, tôi dõ tôi sẽ cử ra một ông Trạng-sư thiết giỏi để binh vực cho ông.

— Tôi rất cảm ơn. Nhưng tôi nghĩ việc tôi chẳng cần thầy cãi cũng được; tự nó sẽ cãi cho nó cũng xong.

— Được vậy càng tốt, tôi chúc mừng cho ông.

Bấy nhiêu đó cũng đủ tỏ ra ông Henri Robert có lòng ân-cần với cụ Phan lắm vậy.

Sau khi quan ba Caron lấy khai qua loa rồi, thì ký giấy tổng giam cụ Phan vào khám Cherche-Midi là khám nhốt riêng binh lính.

Đồng thời cụ Tây-Hồ cũng bị bắt giam vô khám Santé, vì kẻ thù nhơn dịp thêu dệt ra, buộc hai họ Phan đều can vào vụ âm mưu mầu này cụ Trương gọi là vụ âm-mưu tưởng-tượng (complot imaginaire).

Cụ Tây-Hồ ngồi trong khám được ăn no ngủ kỹ, và cứ run đùi ngâm thi riết. Do đó mà này ra tập thơ « Santé thí-lập », có những câu tả chơn như vậy:

Mỗi ngày dùng bữa ba lần xup,
Hai đĩa chia nhau một bánh mì.
Tám kiếp trâu già chỉ sợ ách,
Ngồi buồn lất về cử ngâm thi.

Từ ấy giam luôn mấy tháng tròn,
Nhờ trời ngũ kỹ lại ăn ngon.
Ngày ba lần xức coi còn đói,
Đêm chín giờ ngồi ngáy vẫn đon.
Mỗi bữa nửa giờ ra hứng mát,
Một tuần hai bận xuống thăm con.

(Còn tiếp)

V. A.

Cher oncle je m'ai rien plus a vous dire 1/

pour aujourd'hui, maman, mon

papa adoptif, ma tante tout le

famille me chérit beaucoup,

Je joint a moi pour vous en

vojer nos meilleures amitiés a tout

Votre famille.

Potre neveu.

Phan Robert

Phan Robert

Chez Mme Vert 17 rue d'Alsace
Rue de Reval (Toulous)

Đây là nửa bức thư của cậu em Robert Phan (con trai cụ Phan hiện nay ở bên Pháp) khi hay tin cụ Phan mất gửi thư qua cho người chủ ở Saigon.

Truousse le 30/1/14

Cher oncle

je fais réponse a votre touchante
lettre, dont je suis très peiné de la
mort de mon pauvre papa, je venais
justement de lui écrire récemment
une lettre dont j'attends mainte-
nant une réponse.

Ce qui me touche également c'est
votre conte que vous aviez pour moi.
je vois que mon papa était d'une
bonne famille. Qu je ne sois pas



SỰ HỌC VỚI ĐÀN-BÀ

Hồi nhỏ tôi ở nhà với cô ruột tôi đi học. Thấy mấy đứa em gái không được cấp sách tới trường như chúng tôi, tôi có hỏi cô tôi, vì sao không cho các em đi học, thì cô tôi trả lời: « Con gái mà cho đi học làm gì? Con gái biết chữ chỉ để viết thư cho trai. »

Câu nói đó của cô tôi có lẽ là câu nói của phần nhiều các bà từ mẫu về lớp trước đây. Các bà đều có một cái tâm-lý chung là muốn sao cho con cái mình không làm tổn-hại đến thanh-giá của gia đình và danh-dự của cha mẹ.

Cho con trai đi học để làm gì?

Để sau này làm thầy thông, thầy phán, ông đốc, ông tham, hay hơn nữa thì làm quan lớn cho cha mẹ được nhờ. Còn học để mở mang trí-thức, giáo-dục linh-hồn, thì các bà chẳng những không hề nghĩ tới, mà thường lại mang dạ hoài-nghĩ.

Đã vậy thì con gái đi học mà làm gì? Cho nó đi học để sau này làm nên được cô giáo, cô đốc, thì chớ con nó nhờ. Phần mình chỉ cốt sao giữ cho nó được tiết sạch giá trong để chờ ngày xuất-gia. Muốn vậy thì không nên cho nó đi học. Vì từ nhà mà đi tới trường, lại từ trường mà về đến nhà, đi đi, về về, cả tháng, cả năm, khỏi sao chẳng có ngày bị trai cám dỗ rồi xiêu lòng, lại sẵn có giấy, có mực, có cây viết cầm tay với tấm lòng khờ-dại ấy là sự nguy-hiểm vô cùng, phải đề phòng từ hồi chưa có. Cái tâm-lý đó thiệt phù-hiệp với cái tâm-lý gã Arnolphe trong một lần-kịch của Molière. Arnolphe có một đứa con gái dở đầu là nàng Agnès. Gã cố giữ cho Agnès ngu-dần dốt-nát và cấm nàng không được ra khỏi cửa nhà. Gã tưởng vậy là đắc-sách. Ai ngờ chàng thanh-niên Horace cũng bày mưu thiết-kế, quyến-rũ nổi Agnès mà cưới nàng làm vợ.

Muốn bảo-tồn đạo-đức mà để cho người ta ngu dốt, là một điều thất-sách.

Muốn bảo-tồn đạo-đức mà không cho người ta được tự-do sanh-hoạt, lại là thất-sách hơn nữa.

Chính những người ngu-dốt mới là những người hay kiếm cách tháo-cũi sổ-lồng để thỏa lòng vật dục.

Theo lẽ sanh lý, thì đầu là con trai hay con gái, hễ đến thời-kỳ phát-thần (puberté) là đều thấy phát-động tình-dục.

Tới hồi đó, không phải cứ ngu-dốt là biến thành

một thạch, mà cũng không phải cứ giam-cầm là kiềm-chế nổi đâu.

Trái lại, người có học chính là người biết giữ mình hơn ai hết. Và chính những người được tự-do sanh-hoạt lại là những người thường hay kiềm-chế được dục-linh.

Sao vậy? Sự học là chìa khóa để mở cửa linh-hồn, mà linh-hồn có mở-mang sáng-suốt thì tự mình mới biết được cái bản-ngã của mình mà hướng-dạo cho nó theo một lối đường chánh-đại quang-minh.

Mỗi cái bản-ngã của chúng ta đều có hai phần phân biệt: lương-tâm (la conscience) và vật-tánh (les instincts animaux).

Từ hồi thượng-cổ, vua Thuấn đã nói câu:

« Đạo-tâm duy vi, nhơn-tâm duy nguy » nghĩa là lòng đạo-nghĩa rất vi-diệu, lòng nhơn-dục rất nguy-hiểm.

Đạo-tâm chính là lương-tâm theo nghĩa với chữ conscience vừa nói ở trên đó.

Lương-tâm là gì? Lương-tâm là một cái nguyên lý thiên-nhiên trong linh-hồn, nó bắt ta phải yêu-mến những điều thanh-cao đạo-đức, thiết-tha những lẽ bác-ái công-bằng, nó là ngọn đèn soi tỏ cho ta biết cách tu thân xử thế vậy.

Còn nhơn-dục hay vật-tánh thì cũng là những năng-lực thiên-nhiên, nhưng là để hỗ-trợ cho sự sống vật-chất của ta. Ăn uống, chơi bời, cho chí say mê sắc-dục, cũng đều chủ-động ở vật-tánh cả.

Người cũng là một loài động vật, thì cái vật-tánh tự-nhiên là phải có rồi.

Song người lại khác với loài-vật ở cái lương-tâm, nên cái lương-tâm đó chính là để chỉ-huy kiềm-chế những vật-tánh cho sự sống của mình có ý nghĩa và được thanh cao hơn sự sống của vật.

Cái lương-tâm đó cần phải có giáo-dục mới phát-triển được đầy đủ hoàn toàn, mà sự học là để làm cái việc giáo-dục đó vậy.

Tuy nhiên, sự học không phải chỉ cốt giúp cho ta đủ sức mà giữ mình cho trong sạch thôi đâu.

Cái công-dụng của nó mà chỉ có thế thôi, thì thiệt là nhỏ-hẹp tầm-thường quá, dẫu riêng đối với phụ-nữ cũng vậy.

Giữ cho mình không làm điều quấy, chỉ là một cái giáo-dục tiêu-cực. Cần sao cho mình biết việc phải mà làm — làm theo cái bản-chất và cái tư-cách của mình nữa.

Hiện nay về vấn-đề phụ-nữ, có hai thuyết được nhiều người chú-trương:

PHỤ NỮ TÂN VĂN

Một thuyết thì muốn cho đàn-bà cũng gánh-vác những công-việc của đàn-ông.

Một thuyết thì chịu cho đàn-bà cộng-sự với đàn-ông bằng những công-việc hiệp theo cái tánh-cách của mình.

Gánh vác những công-việc của đàn-ông cũng cần phải có học.

Mà cộng-sự với đàn-ông cũng cần phải có học.

Không học không làm được việc gì cho khôn-ngon. Mà không học cũng không giúp ai được việc gì cho phải thế.

Cứ lấy cái kết-quả về sự học của phụ-nữ trên thế-giới bây giờ, ta đã thấy rằng đàn-bà không thua sút đàn-ông về một phương-diện nào cả.

Văn-học, y-học, khoa-học, luật-học, nhánh nào cũng có phụ-nữ len vô mà học được thành tài.

Vì thử cứ theo cái lý-thuyết của các bà già xưa trên kia, sự con gái biết chữ rồi viết thư cho trai cả, mà không cho phụ-nữ đi học, thì có phải loài

người sẽ thiệt mất một số nhơn-tài khá đông về phe đàn-bà không?

Vả, ngoài những bực nhơn-tài đó mà ta cho được là những hạng người đặc-biệt không kể, còn vô-số bạn phụ-nữ nhờ có học mà mới làm được lắm công-việc tầm - thường mà hữu-ích biết bao nhiêu.

Ở gia-đình, giúp chồng dạy con, ra xã-hội, làm việc từ-thiện, hoặc kinh-doanh trên thương-trương, hoặc phấn-đấu vì quyền-lợi, nhứt thiết đều phải là người có học mới hành-động được một cách giỏi-dẫn khôn-ngon.

Chúng ta không muốn cho lịch-sử đi lui trở lại, thì chúng ta tất phải rán mà theo kịp cái trào-lưu tiến-hóa của loài người. Mà muốn theo kịp cho chắc bước, thì vẫn phải lấy sự học làm hướng đạo cho ta.

Nói cho ta, là ý tôi muốn nói cho cả đàn-ông và đàn-bà vậy.

Thiếu-Son



Quang cảnh một cuộc thi viết chữ của phụ nữ Nhật bản tại kinh đô nước Nhật.
Chị em Việt-nam, ta đến ngày nào mới có cuộc chơi thú vị như vậy?

MÂY CON SỐ ĐÁNG GHÊ SỢ

Kỳ rồi, tôi có nói đến Phái-bộ phản-đối chiến-tranh cho chị em nghe, nay xin nhắc đến cái nạn chiến-tranh, nạn ghê gớm mà dân nào nước nào cũng phải nhớ mãi để chống, để ngừa cái nạn sẽ lại.

Trận giặc 1914-1918, trận giặc lớn hơn hết từ xưa đến nay, giữa Đức, Pháp và các nước Liên-đoàn là một bằng chứng hiển-nhiên rõ rệt, chứng rằng loài người có thể gây trên mặt đất những tai và khổ hại ghê gớm hơn những cuộc đất sụp, núi phun lửa v. v. ... những tai biến mà người gọi là « tai trời ăch nước » kia. Theo số tổng-kê của nhà binh, mấy hai toán cộng trừ sự chết, sống, mà tôi chép ra sau đây, đủ làm cho chị em kinh sợ, thấy rõ trường huyết-chiến của thế-giới, sau khoảng bốn năm trời giết lẫn nhau.

Số chiến-sĩ bị giết, về bên Pháp và các nước liên-đoàn là 5.245.000 người. Trong đó có 1.700.000 người Nga (Russes); 1.383.000 người Pháp; 860.000 người Anh; 372.000 người Ý; 380.000 người Serbes; 250.000 người Roumains; 70.000 người Huê-kỳ; 40.000 người Bỉ.

Về bên nghịch, có 3.940.000 người chết. Trong đó hết 1.950.000 người Đức và 1.540.000 người Áo.

Tính chung cả hai bên, số người chết là 9.185.000 người. Đó là kẻ chết. Đến người bị thương tích thì đến 19.000.000 người; người bị tàn tật trọn đời đến 10 triệu người.

Người ta tính nếu hết thảy lính chết trong trận giặc này sắp hàng, bốn người một hàng, đứng khít nhau mà đi tới, thì phải trải qua 81 ngày, 81 đêm không ngừng mới dứt tốp binh người chết này.

Nếu mấy chiến sĩ sắp nằm trên đường, người này khít người kia, thì khoảng đường từ Paris (Pháp) cho tới Bombay (Ấn-độ) sẽ đầy những xác chết.

Còn nếu số lính Pháp chết mà chất lên một chồng, ấy là một cái núi thây người cao được 3 468 thước tây.

Mình đọc truyện Tàu, thấy những câu: « Máu chảy thành sông, thây chất thành núi » cho là nói « lố », nay đọc mấy con số này cũng phải nhận là có lẽ có được. ... Đó là tính riêng cho lính nước Pháp, chứ nếu chồng hết cả chiến-sĩ các nước, thì núi xác người mới cao lên bao nhiêu?

Người ta lại tính, trong lúc đánh giặc, mỗi phút

có bốn người chết; mỗi giờ có 240 người; mỗi ngày chết hết 6.400 người.

Về binh lính đường thủy, tính chung các nước thì mất 86.000 mạng người. Số tàu hạm bị bắn phá chìm mất tổn mất 50 ngàn triệu quân tiền và phòng lối 5.000 chiếc tàu.

Sau trận giặc, Pháp phải tốn hết 1.126.594 triệu quan tiền, vừa tiền tiền phí để đánh giặc vừa món nợ vay để sửa bồi sự hư hao trong nước.

Đến mấy nước kia thì nước nào cũng mất một số tiền lên tới số triệu, số ức không.

Với số tiền mà các nước đã phí mất về trận giặc này, người ta có thể:

1-) Lập một cái nhà đủ bàn ghế vật dụng, thêm vườn tược, nhà bếp v.v. ... giá 100.000 quan cho mỗi gia-quyển của dân mỗi nước này: Anh, Pháp, Bỉ, Đức, Nga, Mỹ, Canada:

2-) Cất trong mỗi thành phố lớn của mỗi xứ kể trên kia: một nhà thương giá 125 triệu, một thư viện đáng 125 triệu, một trường Đại-học (Université) đáng 250 triệu.

3-) Trữ một số tiền mà, nếu để nó vào các ngân-hàng lời 5%. mỗi năm, thì tiền lời mỗi năm của số tiền ấy có thể phát 250.000 quan tiền lương cho 125.000 thầy giáo và cho 125.000 thầy-thuốc hay là người điều-dưỡng.

4-) Còn lại một số tiền bằng giá trị của hết các ruộng đất ở nước Bỉ và nước Pháp, khi xảy ra trận giặc này. Thế thì cuộc chiến tranh này đã gây nên bao nhiêu tai hại ấy, không kể rằng nạn kinh-tế cũng do nơi đó mà phát-sanh.

Người ta bàn đến cuộc chiến-tranh để-quốc sau này, lại cho rằng nó sẽ dữ dội hơn các cuộc chiến tranh có từ xưa đến nay. Dữ dội đến thế nào nữa? Có lẽ là diệt hết các nước văn-minh, phá tan nhân loại chăng? Không biết chừng. ...

Thế kỷ thứ hai mươi là thế kỷ của máy móc cơ xáo, của khoa học thanh hành, chiến tranh sau này sẽ dùng máy móc, dùng khoa học để giết người.

Cuộc chiến tranh sau này không phải đầy dẫy cả năm như trước.

Một khoảng thời gian ngắn đủ giết chồng, cả ngàn cả triệu người, đủ phá tan những công trình tuyệt hảo, những nền văn-minh mà người ta dày công lập được, trải mấy thế kỷ đã qua. Trận giặc sau này sẽ ghê gớm thế nào! Đạn, trái phá không nổ, em đếm mà đến làm cho kẻ nghịch

NHÂN-VẬT

Ong Phan-văn-Hùm

Ba chữ Phan-văn-Hùm không là gì cho người thanh-niên trong bà kỳ.

Không những là vì việc xảy ra ở Bến-lức, đã đưa ông vào lao với ông Ninh, làm cho công-chúng chú ý đến ông mà thôi; văn-lai của ông Hùm nhờ tập kỹ-thuật việc trong khám « Ngồi tù khám lớn » mà được một số thanh-niên ham-mộ.

Ông là một người trong một số người Nam-kỳ còn hiểm-hoai biết diễn-đạt tư-tưởng bằng văn quốc-ngữ.

Cũng như nhiều người trí-thức ở về hạng trung-lưu, ông có lẽ đã từng khổ về nội « khủng-hoàng tinh-thân ».

Ở lao ra ít lâu, ông sang Pháp.

Người học-sanh ba mươi tuổi ấy học tiếng phạn và nghiên-cứu phát-giáo ở Paris!

Ông cũng học triết-học tại trường Sorbonne.

Tôi không thể quên cảnh ông Hùm đi trên con đường Saint-Michel trong xóm latin!

— Ai đó? Cái người tầm-thước để râu mép ấy?

— Phan-văn-Hùm!

Ấy, học-sanh hỏi nhau về nhân-cách ông Hùm như thế.

Con người ấy dường như thích những vấn-đề sâu-xa về triết-học và văn-học. Bộ hiền lành, tương « hiền-triết », thế mà nhiều khi tranh-biến với bè-bạn lại tỏ ra hăm-hở và nóng nảy lắm.

Ngày nay hình như ông ấy có tiến-hóa.

không phương ngăn ngừa trốn tránh được, khi trời chứa những khí độc, tuyệt độc, những mặt nạ không còn che chở cho chiến sĩ được nữa... Sau cuộc chiến tranh để-quốc này trên thế giới còn lại gì? Bên thắng trận chẳng bị thiệt hại, chẳng bị tiêu diệt như bên thất trận sao? Rồi số người còn lại, số người sống còn, bị tàn tật, bị thương tích, có phải yếu hèn không? Sự tiến-hóa của nhân loại phải ngưng trệ, ghê hơn nữa, phải lùi trở lại, còn người sẽ khôn ngoan như xưa sao! Trong khi ấy, một thiểu số người không dự vào cuộc chiến tranh mà tự gieo ra chiến tranh, lợi dụng chiến-tranh để làm nên sự sản, sẽ làm chủ thế giới sau này, họ sẽ được yên tĩnh, họ sẽ được hạnh phúc!

Thế thì ai nói rằng cuộc chiến tranh sau này là phải có, là có ích cho nhân loại, là xứng với lịch-sử văn-minh?

NGUYỄN-THỊ-KIỆM

Nhưng sự tiến-hóa ra thế nào?

Ông thường bảo bè-bạn rằng mình đứng về phương-diện nhà triết-học mà xét cuộc đời và các vấn-đề về xã-hội.

Nhưng vậy triết-học vẫn không ra ngoài phạm-vi của sự phản-tranh trong lịch-sử và trong xã-hội. Cứ quan-niệm của binh-giã (mà tức là quan-niệm của một học-phái lớn trong triết-lý học thời nay), triết-học cũng như văn-học, cũng như các nghệ-thuật khác, không thể nào gọi được là trung-lập (neutres); không thể ở ngoài sự xung-đột được.

Người du-học-sanh ba mươi tuổi kia đã rơi sự sự học mà về xử sẽ phải giải-quyết vấn-đề triết-lý của mình sẽ có ích-lợi hạng người nào trong xã-hội?

Bởi những điều-kiện rất đặc-biệt của xứ mình mà bọn trí-thức ở về hạng trung-lưu có một chức-vu khá to trong mọi sự biến-cách về xã-hội và chánh-trị.

Chỉ vì thế mà đối với Phan-văn-Hùm cũng như đối với nhiều người tiền-tự-sân khác có ít nhiều ảnh-hưởng trong dân-gian, chúng tôi cũng như nhiều bạn khác lưu-tâm xét-nét cần-thận mọi sự tiến-hóa.

BICH-VÂN

Xin do nơi bạn « Cứu-tế thất-nghiệp »

Trong số báo này, độc-giả sẽ đọc được bài lại-cáo của bạn « Cứu-tế thất-nghiệp ». Bồn-báo muốn nhờ dịp này nhắc về công trình « Bữa cơm binh-dân » của Bồn-báo từ-chức từ ba tháng nay.

« Bữa cơm binh dân » ấy giúp người thất-nghiệp không được như ý muốn, vì là Bồn-báo độc lực mà làm; nhưng cái ý-tưởng của nó đã có ảnh hưởng. Nay bạn « Cứu-tế thất-nghiệp » hưởng-ứng mà làm ra to, Bồn-báo xin các bạn thất-nghiệp nào trước kia dùng thiệp «bữa cơm binh dân» của Bồn-báo, nay cứ do nơi bạn «Cứu-tế thất-nghiệp».

B. B.

Nhưng lựa tốt nhất

tại hiệu **Mỹ-Lợi**

Số 46 Vannier SAIGON

Mời các Bà lại xem.

ÔNG HERRIOT LÀ MỘT YẾU NHỎN CỦA NƯỚC PHÁP QUA VIỀNG NƯỚC NGA

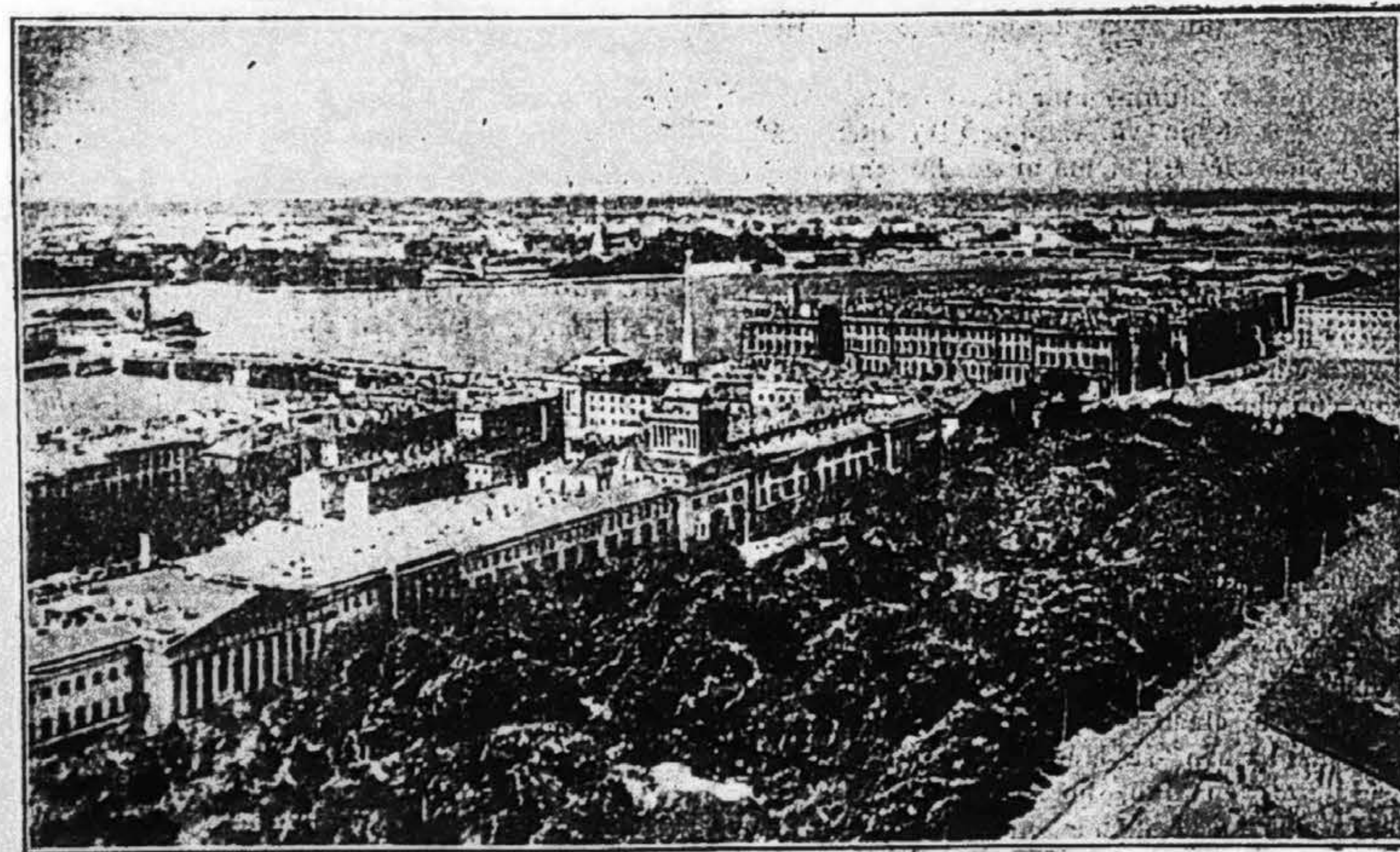


Ông Herriot qua tới Odessa, được tiếp rước rất trọng-thể. Cựu thủ-tướng Pháp có đọc một bài diễn văn ngắn, đại ý như vậy :

« Tôi tin chắc rằng dân tộc Nga sẽ có một cái tương-lai rực rỡ và ao ước rằng lần này tôi đến viếng Nga Xô-viết, có ích lợi cho nước Nga, cũng như có ích lợi cho cuộc hòa-bình thế-giới vậy. »

Ông Herriot lại tuyên bố rằng ông rất mong mỏi cho hai nước Nga-Pháp được thân thiện nhau cũng như các nhà đương cuộc Nga đã mong mỏi lâu nay đó.

Các nhà thay mặt cho Nga Xô-viết có đưa ông Herriot đi viếng các xưởng trại máy móc.



Quang cảnh thành Leningrad là kinh đô nước Nga
(trước thời kỳ cách-mạng là thành S' Pétersbourg.)

CON GÁI CHÓ VÀ CON GÁI MÈO

Nếu hỏi phụ-nữ Việt-nam là những ai, thì tôi chắc ai cũng chỉ ra ba người chị em Trung Nam Bắc, như cái hình đã in ngoài bìa của báo *Phụ-nữ Tân-văn* này lúc trước. Ba chị em ở ba xứ : một người bờ đầu, một người văn tóc, một người đội khăn, ấy là ba cái biểu hiệu đặc sắc của phụ-nữ ba xứ trong cõi Việt-nam vậy.

Song ta nên biết rằng trong đất nước ta, còn có nhiều phụ-nữ khác, có những cái biểu-hiệu đặc-sắc khác, ngôn ngữ phong-tục khác, và tuy không phải là cùng một chủng tộc huyết-thống với ta mặc lòng, nhưng chị em đó sanh trưởng trong quốc-thổ ta, danh nghĩa là quốc-dân ta, vậy thì cũng là phụ-nữ của Việt-nam chứ gì !

Bởi vậy tôi muốn giới-thiệu chị em biết qua loa về nữ-giới ta ở miền thượng-du Bắc-kỳ.

Ấy là phụ-nữ Mán và Mèo.

Đọc theo miền thượng du xứ Bắc giáp ranh với Quảng-tây và Vân-nam nước Tàu, toàn



Mèo Quần trắng

là núi cao rừng rậm, liên hiệp minh-mông : ở đó có nhiều dân-tộc Mán và Mèo, từ xứ Tây-tạng và thổ-dân rừng núi ở hai tỉnh giáp giới trên đây tràn xuống ở đất nước ta, làm dân nước ta, đã lâu đời rồi.

Tuy là cùng cái danh hiệu Mán hay Mèo, nhưng mà Mán có nhiều thứ Mán khác nhau, cũng như Mèo có nhiều thứ Mèo khác nhau. Lại ngoài hai cái danh hiệu trên đây, còn nhiều giống khác, có

Mèo Hoa

những danh-hiệu khác nữa. Có giống Mán nhìn ông tổ của họ ngày xưa là chó sanh ra, cho nên ngày nay họ kiêng cử thịt chó, không bao giờ ăn.

Có giống gọi là Mán quần trắng, trên đầu tóc gài một cái bình tròn như bánh xe, ngoài bịt vải mỏng. Người ta nói giống này, dân-bà thường có phù phép giỏi lắm.

Có giống gọi là Mán cao-lan, thắt dây lưng dò, bện chân vải xanh.



Lo-lo



Có giống là *Món tiền*, bện quần áo may liền với nhau, khăn có thêu hình chữ « thập ngoặc vào » như dấu hiệu của đảng Hitler và thêu hình chó trắng, có lẽ để kỷ-niệm ông tổ của họ.

Ấy là kẻ ra đại-khai một vài giống mà thôi, chứ ngoài ra còn nhiều giống nữa, mà mỗi giống có y-phục trang-sức khác hẳn nhau. Lối y-phục trang-sức của họ rực rỡ, la lung, mà ngộ đẹp mắt lắm. Đốc-giá thứ coi trong mấy tấm hình đại-biểu độ thi rồi.

Họ thêu thùa khéo lắm, có nhiều thứ chân thêu của họ rất công-phu và ngoạn-mục. Người Tây cho là đồ thêu mỹ-thuật, chứ không phải tầm thường.



Họ ở trên núi cao, ít khi xuống dưới đồng-bằng. Độ ba bốn chục nóc nhà ở quây quần với nhau làm một làng. Hễ khi nào hết muối ở chỗ này, hay là tin chỗ đó có ma quỷ quấy nhiễu rồi, thì đốt hết nửa cửa đi, rồi kéo nhau tới rừng núi khác làm nhà mới mà ở. Sở-kiểm-lâm thường khi phải rầu buồn vì họ. Là vì mỗi khi một làng độ 30 gia-dịch dời đi, tới khu rừng nào xem ra ở được, thì họ nổi lửa đốt cháy bằng mấy trăm mẫu rừng, trong đó có nhiều thứ cây xua và quý giá, mà họ chẳng kể gì cả.

Tục ấy, *Món tiền* mà *Mèo* cũng vậy.

Mèo cũng như *Món*, có nhiều giống khác nhau: chẳng những y-phục mà thôi, cho đến ngôn-ngữ tập-tục nữa. Có giống gọi là *Mèo hoa*; có giống gọi là *Mèo trắng*, *Mèo đen*; có giống gọi là *Lolo*, cũng thuộc về dân *Mèo* v. v..

Y-phục của dân *Mèo* cũng thêu thùa rực rỡ tới đẹp lắm. Đàn-bà con gái rất ưa mùa hát. Mỗi năm có một cuộc vui, mà họ lấy làm khoái ý như là phiên chợ, lấy chồng. Con trai chưa vợ đến đó dóm ngó lựa chọn tha-hỗ i-mấy câu rồi từ tay chừa và xem xét sức-khoẻ của các cô, rồi mới quyết định sự chọn lựa người bạn-trăm năm. Những cô nào năm này chưa được ai để mắt xanh, thì trở về lo cầu cúng đức Phật Quan-âm, để qua năm sau đắc mối được chồng.

Trái lại, dân *Lolo* thì không vậy. Họ có cái hôn-tục cho chú rể cướp cô dâu công đi, sau khi đã được hai bên cha mẹ thuận rồi. Phụ-nữ *Lolo*, nhiều người nhan sắc, coi có vẻ đẹp tự-nhiên và đậm-thắm lắm. Nhưng họ là giống dân quá ư thiệt-thà và thủ-cự: đời ông bà ra sao, thì nay họ vẫn giữ theo y như vậy, chẳng muốn đổi thay mới mẻ gì hết.



Đại-khai phụ-nữ Việt-nam ở miệt rừng núi xứ Bắc như vậy đó, chỉ em trung-châu vẫn vật chúng ta có định làm cách nào cổ-vô tiến-hóa cho họ không? Đến ngày nào phụ nữ *Món*, *Mèo* cũng đọc *Phụ nữ Tân-vân*, đọc các báo khác và sách-vở Việt-văn, thì chắc ngày ấy phụ-nữ trung-châu chúng ta đã đi bỏ thăm tuyên-cử hay là có chị ngồi phi-cơ rẽ mây lướt gió bay ngang Thái-bình-dương rồi!

T. V.



Sở « *Phụ nữ* » đặc biệt cho Nhi đồng sắp ra đời: Sẻ có nhiều bài hay, chuyện lạ, hình đẹp và nhiều cuộc đồ rất lý thú.

Cuộc Đồ « Cái mặt đồng hồ bẻ » Bốn-báo sẽ đăng kết quả trong số đặc biệt cho Nhi-Đồng. Các bạn trẻ nên chú ý.

Giòng sâu bọ chim muông mà làm trình thám và ra tòa làm chứng

AI cũng biết có nhiều con vật thông-minh, có thể giúp người được nhiều việc to tát lạ lùng lắm. Ví dụ con ngựa kéo xe, con chó giữ nhà, con trâu cày ruộng v. v... đều là phận sự tự-nhiên của chúng nó, tưởng không lấy gì làm lạ. Đầu này có làm con vật rất nhỏ, rất hèn, mà nó làm được những việc không ai ngờ tới, thế mới thiệt là lạ vậy.

Tức như hai chuyện kể ra sau này:

I. — Con sâu nhỏ làm trình-thám

Có một loài sâu nhỏ, ta phải lấy kính hiển-vi rọi mới ngó thấy, thế mà nó giúp cho nhà trình-thám xét ra một vụ kỳ-án, vậy chẳng phải là một kỳ-sự hay sao?

Số là năm rồi, tại trường đua ngựa Auteuil ở kinh-thành Paris, người ta thấy một cái tử-thi bỏ trong cái bao bố, và để bên bụi cây. Ai cũng biết đó là một vụ án giết người, có đầu chẳng rõ được kẻ bị giết là ai? Hung-thủ là ai? và vì duyên-cớ gì mà lại bị giết?

Nhà chuyên trách đi khám xét rồi suy nghĩ hoài, không có đầu dây mối nhợ gì mà tra xét cho ra vụ án được hết, đành phải cho chôn xác rồi bỏ qua, không mong gì khám phá được nguyên-nhơn và nắm óc được hung-thủ nữa.

Mấy sau lúc đó có một nhà trình-thám khôn ngoan, lấy cái bao bố đem về để nghiên-cứu; lấy kính hiển-vi rọi coi, thấy vỏ sò con sâu nhỏ nhỏ, còn nằm trong bao bố. Tuy người ta đã giết đủ bao bố mấy lần, mà giống sâu ấy ở đâu không biết, lại bỏ tới bao bố mà nằm.

Nhà trình-thám xem đi xét lại đôi ba lần rồi lấy làm kinh-dị, bắt trong trí phải suy nghĩ mãi, rồi vùng xét ra rằng loài sâu nhỏ này thường sanh ra ở mấy chỗ rất tối tăm, tức là trong chỗ hầm đất. Do đó mà nhà trình-thám nảy ra cái tư-tưởng rằng có lẽ anh chàng bị giết đây là một tên chủ chửa cờ bạc ở nhà hầm dưới đất.

Quả nhiên, cứ đo theo phương diện ấy mà dò té khám xét, mà chẳng bao lâu, vụ án bí-ẩn đó được mở bung ra thiệt.

Té ra hung-thủ là một con bạc đã chơi cuộc đen đỏ ở dưới nhà hầm thổ-chùa kia, thua rất nhiều tiền; còn người bị giết cũng chính là một con bạc thời hên vận đó, được ăn nhiều tiền, lại là chủ nợ của hung-thủ. Thằng này mắc nợ bọn

hàng, liệu thế không trả được, bèn đem chủ nợ mà giết quách đi. Vậy rồi người ta bắt được hung-thủ đem ra tòa xử; nó chịu nhảm tội.

Có phải vậy là loài sâu nhỏ kia đã giúp cho nhà trình-thám thành-công hay không? Nếu không có nó, thì có lẽ vụ án này chẳng bao giờ khám-phá ra được.

II — Chim Hoàng-oanh làm chứng-nhơn tại tòa

Tại quận Bavière nước Đức, một nông-gia kia có hai vợ chồng. Lại mượn một tên điền-tối, và nuôi một con chim hoàng-oanh làm vui sớm tối.

Không dè bà vợ chủ đem lòng thương yêu tên điền-tối, tức là tối tở nhà mình. Cặp gian-phu dám-phu muốn tình kẻ ăn ở với nhau lâu dài, thì tất phải lo nhỏ cây đinh trong con mắt đi, nghĩa là phải giết chết anh chồng đi mới đáng.

Thiệt chúng lập mưu giết chết anh no.

Nguyên là nhà nông này ở liền vách với một nhà nông khác; đôi gian-phu dám-phu bản tính và hành-dộng việc giết người, vì sợ nhà hàng xóm bay, nên chỉ trong khi thi-hành độc-thủ, chúng nó nhờ lúc con chim hoàng-oanh ca hát liu lo, thanh ra che lấp được cả những tiếng động khư-nghì.

Song người hàng xóm thấy anh chàng họ khi không mà chết, thật là chuyện đáng nghi, bèn ra quan cáo-giác. Người ấy cũng khai rõ tình-tiết rằng bọn gian-phu dám-phu lợi-dụng giữa lúc con chim hoàng-oanh ca hát rầm rì, làm che lấp hết những tiếng chuyện trò hành-dộng của chúng, cho nên người ở liền vách không nghe chuyện gì, mà chúng hạ-thủ giết chết được người bất hạnh kia một cách êm đềm. Giờ nếu tòa đem con chim ra làm chứng, chắc là bọn hung-thủ phải chịu tội ngay.

Bữa tòa đem vụ này ra xử, có sai sách lồng chim hoàng-oanh ra treo giữa tòa; ấy là kêu con chim ra làm chứng-nhơn đó.

Ban đầu con chim chỉ nhảy nhót trong lồng, chẳng ca hát gì. Chứng nó ngó thấy một người hàng xóm, thì liền cất tiếng lên ca hát rầm rì, mà trong tiếng ca-hát của nó như có cái giọng bi thương hoài-cảm. Cả tòa nước nở ngời khen và ai nấy đều nói rằng lúc con chim ca hát, tiếng của nó có thể khóa lấp các tiếng chuyện trò hành-dộng khác thiệt. Quan tòa cũng nghĩ như vậy; chắc hẳn bọn bị-cáo đã nhờn lúc đó mà làm việc độc ác của chúng, đầu người liền vách cũng chẳng hay. Rồi nghĩ khéo lựa lời hỏi vặn lại hai đóm; chúng nó phục tình thả tội cả.

Thiệt nhờ con chim hoàng-oanh làm chứng, mà cái chết của vị chủ-điền được minh oan và tội ác của gian-phu dám-phu mới bay to. Tòa cho người cáo-tố vụ án — tức là người hàng xóm, — được đem con chim ấy về nuôi.

NÊN BÀN VỀ LỐI THƠ MỚI

Bản-báo tăng bài sau này của ông L. D. đề mở đường tranh-luận về lối « thơ mới » trong tạp báo này. Phụ-nữ Tân-văn không thể làm cơ-quan cho đảng phái chánh-trị hay là văn-học nào hết ; trên tờ báo, chúng tôi có thể đăng bài tả ra những khuynh-hướng khác nhau, để cho công chúng tranh biện rồi tự kết luận lấy. B. B.

Nước ta từ xưa đến nay vẫn là một nước có một nền văn-hiến ; song xét ra cho đúng, văn-hiến ấy phần nhiều chuyên-chú vào các hàng nhà nho.

Con về mặt quốc-âm, vẫn còn kém-sút nhiều lắm. Kém-sút về hình-thức, mà về phương-diện tinh-thần cũng quá eo hẹp.

Ngày nay hàn-học đã sắp điều-tàn, e có ngày phải tuyệt diệt. Vậy thì cần nhứt là ta phải kiếm một lối học thuật mới để thay vào. Đó là lẽ dĩ nhiên ai ai cũng đều công-nhận ; nhưng trong nước hiện thời có hai nền văn-học. Thứ nhứt : Pháp-văn ; thứ nhì : Quốc-văn. Pháp-văn cần phải học đã đành rồi, song học để mà làm một cái lợi-khi, để hấp-thu lấy tinh-thần Âu-Mỹ hầu truyền-bá trong dân-gian, chứ không thể lấy đó mà thay cho quốc-văn được.

Vậy thì đều cần-thiết hơn hết là ta nên lấy quốc-văn làm một môn học phổ-thông. Dân ta là An-nam lai học nói, học viết tiếng An-nam, há chẳng phải là một điều tiện lợi lắm ru !? Thế mà từ xưa đến nay có mấy ai cho rằng tôi học quốc-văn ở trường này... trường kia ra chẳng ? Hẳn là không ! Ta định lấy quốc-văn làm môn học phổ-thông, mà hồi nào đến giờ không có trường, không có cơ-quan cho đúng đắn thì người thức-giã phỏng ai lại chẳng đem lòng lo nghĩ ? !

Người nho học thì ngồi chênh-chệ, run đuôi, tấm-tắt khen thầm văn ông Lý ông Đỗ là hay. Còn hạng tân học lại khen Pháp-văn là cao thâm uyên-bác ; khen thơ ông Victor Hugo là khéo, khen văn ông Lamartine là nào-nuột thâm-trầm. Những hạng có học thì tùy theo sở-thích của mình mà ưa-chuộng không mấy ai chịu ngó-ngàng đến quốc-văn ; thành thử từ xưa đến nay cái tình đối với quốc-văn thật là nguội-lạnh lợt-lạt. Vẫn biết rằng quốc-văn đã phát hiện từ hồi đời nào kia, cũng có người quan-tâm đến, nhưng

đó là phần ít. Nếu không thì sao lại có cuốn Kim-Vân-Kiều, cuốn Tân-cung-oán, cuốn Chinh-phụ-ngâm, cuốn Lục-vân-liên là mấy bộ văn-chương kiệt-tác như thế. Song xét ra cho kỹ thì các nhà văn-sĩ hồi xưa làm ra những áng-văn ấy vì một cơn ngẫu-hưng ; hoặc là để đem tả lấy cái tâm-sự của mình nó uẩn-bức trong lòng, chứ chưa phải là vì vấn-đề quốc-văn mới sản-xuất ra mấy tập văn kia vậy.

Các nhà nho xưa hề mỗi cơn cảm-hưng thì làm toàn là thơ bằng bán-văn, mấy ông cho rằng : nôm na là mách quẻ. Bởi thế có mấy ai ngó ngang đến văn-mang, đến tiên-dồ quốc-văn làm chi ! Có lẽ vì duyên cớ ấy mà làm cho làm đều trở ngại về quốc-văn, sự tiến-bộ về quốc-văn cũng phải dậm chà chèn-mẫn. Hiện nay chúng ta đã biết rằng quốc-văn là eo-hẹp, nên chỉ lật-đật tu-bổ, trau-đồi lại cho tốt ; xây tường đắp móng cho nền quốc-văn được rực-rỡ thêm nhiều. Kẻ lo tìm kiếm nhiều tiếng mới, người lại lo bày-bố nhiều lối thơ. Nói tóm lại, ai ai cũng đều lo sửa đổi « cái kho hương-hỏa » của mình cho hoàn toàn thiện-mỹ, hầu chẳng hổ rằng người nước ta là một giống dân hiếu-học, văn-chương nước ta chẳng kém chi người.

Nay thử hỏi ý-kiến bày ra « thơ mới » phát-hiện vào thời kỳ nào ?

Người nước ta thuở xưa phần đông chuyên về hàn-học. Cứ theo sách cũ tra-cứu ra thì nước ta biết chữ Hán tự đời Hồng-Bàng, nghĩa là lúc ban sơ mới khai-quốc thì trong nước ta đã có chữ Hán. Tiên-nhân của chúng ta học hàn-văn tất phải dùng chữ, đặt câu theo Hán. Trở về sau, dần dần Hán mất, cái Đường, là lúc chữ Hán thành-bành mới chế biến và phân ra nào là : ngữ-ngôn cổ-thể, ngữ-ngôn cận-thể, ngữ-ngôn bài-luật, ngữ-ngôn luật ; ngữ-ngôn tuyệt cú ; thất-ngôn cổ-thể, thất-ngôn cận-thể, thất-ngôn luật, thất-ngôn bài-luật, thất-ngôn tuyệt cú v. v... song thế-cách thơ-từ cũng

chưa phải là vào trình-bạ quá gât-gao. Trở về sau từ đời trung-hưng trong nước ta sắp xuống chuyên dùng lối thơ thất ngôn luật, trong một bài thơ phải có câu : phá-đề, nhập-đề, thượng-trạng, hạ-trạng, thượng-luận, hạ-luận, thượng-kết, hạ-kết ; bỏ buộc bách-xúc thái quá, xưa nay không có thế bao giờ. Về sau các nhà-nho nào là văn-nhân thi-sĩ hề mỗi cơn khiên-bức thì mượn lối đó mà làm, thét rồi đời này sang đời kia thành di-truyền ra một tánh quen, nói trắng ra thành một « cái tật » là dùng hơn, không thể nào trừ bỏ được.

Đến sau—không biết vào thời-kỳ nào ?— hoặc già vì lối thơ ấy câu đã ngắn, lại có hạn ; phần niêm luật quá gât-gao, trang-nghiêm, hiem-bóc ; sao là « bình », sao là « trắc », lại còn « âm-vận » hằm người làm thơ phải theo lấy đó. Thành-thử cái ý kiến của mình không thể nào đem tả ra cho hết nội trong « năm mươi sáu » chữ ấy. Phải cân-nhắc ủy-mỉ từng câu, từng chữ, thật là trong óc lúng-túng bực-bội vô cùng—những người làm thơ đều biết—vì thế mà ngòi bút không dựng một tí tự-do, và câu văn cũng kém mất đôi phần linh hoạt.

Thật vậy, có nhiều khi tôi tập làm thơ trên này, hề bị « bí » một cái, xuất mồ-hôi hột chớ chẳng chơi ! Cáo tai, gãi cổ ; chọn tiếng này, lựa tiếng kia mãi rồi trọn một ngày thơ đâu chẳng thấy, chỉ thấy trí óc nó dật-dờ chóng mặt ; mà đầu có đặng đi nữa đọc bài thơ nghe cũng « xằng-lè ». Vì sao ? vì trong bài thơ có nhiều chữ tôi không muốn để mà buộc lòng tôi phải để.

Thiết nghĩ, vì duyên cớ ấy mới có người phát minh ra hai lối thơ mới—ngày nay đã cũ rồi—chính là thơ lục-bát, và song-thất lục-bát kia vậy. Ấy đó, vấn-đề thơ mới này sanh ra trong óc tiên-nhân ta lâu rồi ; chứ không phải đến nay mới có chúng ta là trước nhứt. Song đó chẳng qua là mấy tay thi-sĩ đại-tài sáng kiến ra một lúc mà thôi. Trở về sau cái tình-ý ấy tưởng đâu là phải tiêu-diệt mất, vì người ta đối với nó một cách hồ-hững, lơ-là ; khác nào một luồng gió vừa thổi lai-rai, một đóm lửa con con trong đồng củi.

Về thời kỳ gần đây thấy trong quyển « Duyên-nợ phù-sinh » của ông Á-Nam Trần-tuân-Khai có một bài thơ mới tựa là : « Tiên chân anh Khoá xuống tàu. »—Anh Khoá ơi ! Em tiễn chân anh xuống tận bến tàu. (1)

Đôi tay em đỡ lấy cái khăn giũ (trầu) em lấy đưa anh.

(1) Bến tàu là débarcadère de bateaux, có người đọc lầm là Bến Tàu.

PHU NỮ TÂN VĂN

Ấy cái điệu thơ mới của ông Trần là như thế.

Ông khéo sáng kiến dùng điệu thơ lục-bát thêm tiếng thêm điệu vào thành ra bài thơ, không có hạn câu hạn chữ, dễ đạt được ý-từ và phỏ bày rõ ràng tinh-tiết. Khi đọc lên lại nghe rất êm tai, dễ cảm-hóa được lòng người, vì câu văn thật là nào-nùng uyên-chuyển lắm.

Về sau phong-trào « thơ mới » sôi-nổi, không khác nào luồng gió lai-rai kia hóa thành một luồng gió lớn, đóm lửa con con kia bùng cháy. Lửa càng cao, gió càng lớn ; bao nhiêu người lĩnh-giác đều đối với vấn-đề thơ mới một cái tình-cảm rất nồng-nàng.

Đến đây có lẽ là thời-kỳ giải-quyết. Nào là bài « Tinh già » của ông Phan-Khôi, « Trên đường đời » của ông Lưu-trọng-Lưu, « Trên con đường cũ » của ông Hoàng-xuân-Mộng... văn văn... Lại có Nguyễn-thị-Kiểm là một nhà tân-nữ-lưu, sôi-sảng đứng lên diễn-thuyết tại nhà hội Khuyến-học đề bàn về lối thơ mới ; thì thật là hay lắm, tốt lắm.

Tôi xin biểu-đồng-linh cùng có, và tôi còn trông mong, khuyến-khích sau này sẽ còn nhiều có Nguyễn-thị-Kiểm nữa.

Tôi lấy làm tiếc không đặng lên mục-kích và nghe mấy lời của cô phụng châu nhả ngọc, song xem trong báo chương thì cũng đủ biết rằng lời của cô là chánh-đáng.

Một đoạn có bình-luận bài thơ « Tinh già » của ông Phan-Khôi có câu : « Bài thơ này ít có người thích. Người ta cho nó là dài lắm và không có nguyên tắc. Thật, về hình-thức thì bài Tinh-già không được gọn... » Có cho nó không có nguyên-tắc và không được gọn tôi xin đồng-ý cùng có ; còn có bấy nó là « dài lắm » thì tôi cho rằng trái.

Ý kiến phát minh ra thơ mới là để tránh lối thơ Đường vì câu nó quá ngắn không thể nào đạt hết ý. Đã cho đó là phiền-phức, rập toan kiếm một con đường mới-mẽ, rộng rãi, thênh-thoang để mặc sức ngòi bút vẫy vùng, tình-từ hoạt bát, mà có còn câu-nệ « dài lắm » tôi e trái chẳng ? Thế thì ta cứ theo lối cũ, cứ tám câu bảy chữ, hoặc 5 chữ 3 vần càng tốt hơn, hà-tất phải bày ra lối mới ?

Mong rằng có suy-xét và biết giùm cho, vì chính cô cũng có nói : « Muốn cho tình từ không vì khuôn khổ mà bị « dẹt », mất, thì rất cần phải có một lối thơ khác, do lẽ lối nguyên tắc rộng rãi hơn. Thơ này khác hơn lối xưa nên gọi là thơ mới ».

Còn về nguyên tắc một bài thơ thì cần phải có. Những nhà phát-minh, thơ mới, cũng nên biết rằng: thơ mới là để cho ta đứng tự-do; song cái tự-do ấy có mực-thước, có chuẩn-băng, có qui-tắc. Lời thơ phải ở trong một cái phạm-vi nhất-định. Nếu kẻ làm thơ muốn vượt ra ngoài lề lối ấy thì tôi tưởng cho rằng bài thơ không phải là « văn-văn » mà là « tản-văn » là phải.

Ngoài cái nguyên-tắc ấy thơ lại phải có âm-hưởng vào-von. Khi đọc bài thơ nghe ra như khúc đờn êm-ái: khi khoan, khi nhịp, lúc bổng, lúc trầm; người xem thơ tư-tưởng rằng đứng vào cảnh ngày hè, hoặc đêm thu, nghe để ngẫm về hót.

Đó là kẻ sơ qua phương-diện bề ngoài; bài thơ lại phải có ý-tư sâu-xa, lời lẽ hùng-hồn, câu văn chanh-dáng. Thơ có hồn mà không xác thì chưa phải là thơ toàn; mà có xác lại không hồn thì khác chi đoá hoa tươi không hương nhụy; chỉ đáng cho ta vứt-bỏ đi mà thôi!

Tôi nói nghe ra hơi lạc đầu-đề, nhưng muốn luận cái đặc-tính về hình-thức, về tinh-thần bài thơ ra thế nào cũng có Nguyễn nên mới dồng dài như thế. Tưởng lại bà con cũng chẳng đem lòng cổ chấp. Bây giờ tôi nói lại chanh-đề « Thơ mới ».

Thơ mới là gì? Đã có người nói đến rồi! Kêu rằng « thơ mới » chỉ là một cái tên kêu dờ, tạm một lúc vậy thôi. Về sau, trải qua năm này tháng kia rồi « thơ mới » mà ta đang kêu đây cũng phải cũ. Chứng ấy không lẽ ta cứ gọi hoài « thơ mới ». « Thơ mới...? Hay là ta cứ để tên đó, rồi dậm thêm như vậy: « Thơ mới mà xưa » chẳng???... Vậy thì mỗi lời « thơ mới » buộc phải có một cái tên riêng, để sau này khỏi lẫn lộn.

Vấn-đề đặt tên thơ mới là một vấn-đề cần nên bàn đến và giải-quyết ngay mỗi khi có một lời « thơ mới » xuất hiện. Song cũng không phải là dễ!

It nữa phải có nhiều người hiệp ý-kiến lại dựng công-dụng; kẻ da người giã bao giờ lột lẽ mới thôi. Làm như vậy một lời thơ đối với cái tên của nó mới xứng. Khi kêu đến « tên » nó thì người đọc có thể hiểu ngay tinh cách riêng của nó ra sao? Tỷ như thơ « Lục-bát » thì hiểu thơ ấy là thơ câu trên 6 chữ, câu dưới 8 chữ; thơ « Song-thất lục-bát » thì tự hiểu rằng: hai câu 7 chữ, kẻ đó một câu 6 một câu 8...

Thấy đó thì đủ biết sự đặt tên cho thơ mới tưởng cũng không phải là vô ích; nhưng hiện thời nó cũng lắm nỗi khó-khăn, vì mỗi lời thơ mới

còn phải để cho độc-giã lựa chọn cho xát-dáng rồi mới công-nhận.

Bao giờ lời thơ đã dựng « nhập-tịch » rồi, thì chừng đó cái tên của nó cũng có lẽ phải xuất hiện ra.

Chính tôi đem biên cho bà con một lời thơ mới, mà bài thơ của tôi cũng là một lời thơ « văn-danh ». Suy nghĩ hoài, định cho nó một cái tên, nhưng không biết tên chi...

Ấy mới biết « bày ra một lời thơ » có lẽ dễ hơn « đặt tên một lời thơ » nhiều lắm.

Hiện thời phong-trào « thơ mới » lời cuốn bao nhiêu người có nhiệt-huyết về quốc-văn đều quan-tâm chú ý đến rồi; sắp sửa làm cho cái lầu đài quốc-văn cực đẹp thêm lên. Bản đồ (plan) đã vẽ, còn chờ có nhơn-công thì khởi cất.

Thấy cái nhà ấy là nhà chung, sau này chúng tôi sẽ trông mong, nhờ cậy vào nó nhiều lắm, nên không dám làm lơ. Đã biết bao nhiêu người lo tạo-tác, chúng tôi tuy rằng bất-tài, không dám đương lên là « tay thợ » lên tường, đắp móng, dựng cột, ra kèo — chúng tôi làm không nổi; song chẳng lẽ điếm nhiên ư? Hoặc là để chúng tôi tiếp phụ-công vào ôm gạch, chõ cát, trộn hồ tường cũng nên.

Một ngày kia cái lầu cao, mặt-mặt ấy gây-dựng hoàn-thành rồi, chúng tôi bước đến ở mới là không thẹn, và tự nghe trong mình vô cùng thơ-thời, vui-vẻ lạ thường.

Vì vậy chúng tôi cũng xin đem ra đây « Một lời thơ mới trình chính giữa làng thơ » để cho văn-nhân, thi-bá liệu lượng chấm giùm.

Bài thơ ấy như vậy:

Nhân ai

Ai chẳng bảo rằng duyên đôi ta là duyên dằm
Rày đường xa muốn dằm, ai có biết vì đâu mà
Kia trời nước một màu, ai tỏ lời thề hẹn, đành
Đã lắm lúc đôi pàen, nguyên đá vàng liềm tiết,
Quan-san rày vịnh-biệt, ngao-ngán bấy tình-trường,
Nào! luận-lý cang-thường, thử xem đường bao nã?
Ồi, ái-tình nước là!

Về một bức thơ của ông Ninh

Ông Ninh biên thơ cho tôi nói rằng vì « quí » 191 và « tương » tôi « có thể thành-thật với một tư-tưởng hay và thành-thật với tôi » mà xin tôi cần-thận đừng động tới « chỗ đau » của người.

Nhưng khi tôi biên bài đề là: « Nhân-vật: ông Nguyễn-an-Ninh », tôi vẫn hiểu tâm-sự của ông. Tôi vẫn kể đến những sự thống-khổ về vật-chất và tinh-thần của ông.

Chắc ông Nguyễn cũng biết rằng ở mục Nhân-vật trong tờ báo này, lời từng đã nói về nhiều nhân-vật khác không có « chỗ đau » như ông mà nói một cách khác?

Tôi phê-bình các nhân-vật có ảnh-hưởng trong xã-hội, theo một phương-pháp rõ-rệt.

Đây không phải là phê-bình về văn-chương về thân-thể. Tôi chỉ chú-ý đến sự hành-vi của mỗi nhân-vật người để xát ảnh-hưởng của nó trong xã-hội mà thôi?

Độc-giã nào đọc các bài « nhân-vật » của tôi tất đã nhận rằng tôi có chủ-tâm trong sự dùng hai chữ máu-thuần.

Danh-từ máu-thuần tỏ ra một cái quan-niệm về ọc đời, Hai chữ ấy cũng tỏ ra một phương-pháp nữa.

Nhà phê-bình và nhà viết sử không thể nào « vơ-tư » cho được.

Đứng trước một người có ảnh-hưởng trong xã-hội, nhà phê-bình phải tự hỏi: người này lợi hay là hại cho cái lý-tưởng của đoàn-thể mình?

Danh-dự xem bà-giã, vì thế-lực kim-tiền, nên lời ước phu nguyên.
Tất-thành lại khuôn-thiên, âu thả gièo giòng nước, thả phu lời sau trước,
Miễn sao là mình được, phú-quí với công danh thì thỏa nguyện bình sanh.
Ồi! duyên nợ mỏng-mảnh, nhân tâm thường trào-chác, hỡi ơi người quá ác!..
Hồng-nhan thường phận bạc, nàng biết thế hay chưa? cuộc đời lại nắng mưa.
Nhân ai khéo lọc-lựa, tài tại thường đi cặp, mấy ai người khỏi gặp!??...

L. Đ.

Có lắm người tự xưng là đứng với quần-chúng mà kỳ thiệt làm hại cho quần-chúng, hoặc xuất-tư vô-tâm hay là bởi nơi cố ý.

Kinh nghiệm về lịch-sử từ hơn mười năm nay tôi thấy rằng những người như vậy thường là ở về một hạng mà người ta đã quen gọi là tiểu-tư-sân (petits-bourgeois).

Tôi cũng mong làm cho lắm bạn ở về các giai-cấp trung-lưu (moyennes classes) hiểu lẽ phân-tranh trong lịch-sử hơn.

Mã-Như

Cảm-tình của các bạn Trung Nam Bắc

Một tờ báo vừa rồi khêu-khích bốn-báo, nói rằng bốn-báo quên các bạn độc giả Trung Nam mà chỉ quan tâm đến độc giả ở Bắc!

AI đã quên lối cạnh-tranh của các báo trong lúc báo ra đời rất nhiều như ngày nay thì tất sẽ nhận được chú ý của tờ báo trên này.

Báo « Phụ-nữ Tân-văn », sở dĩ có độc-giã thiệt nhiều chỉ là vì được lòng chiếu cố của anh em chị em trong ba kỳ, trong khắp Đông-Dương!

Không những thế mà thôi, người Nam lưu-ngự ở Xiêm, Tàu, Pháp văn, văn, có cảm tình với bốn báo mà hằng mấy năm trời làm bạn trung-thành của bốn báo vẫn đồng tâm.

Sở-dĩ được thế là vì P.N.T.V. rất quan-tâm đến anh em và chị em Việt-Nam ở khắp ba kỳ.

PHU-NỮ TÂN-VĂN

Tìm thấy

Tôi có một mọt ở nơi lười, bấy lâu nay chạy đủ thứ thuốc mà không lành, Quí ông quí bà có biết ông thầy thuốc nào ở Namkỳ có thể chữa bệnh (cancer) này xin làm ơn chỉ gùm tôi rất dỗi ơn.

NGUYỄN-VĂN-VIỆT

Chủ nhà in

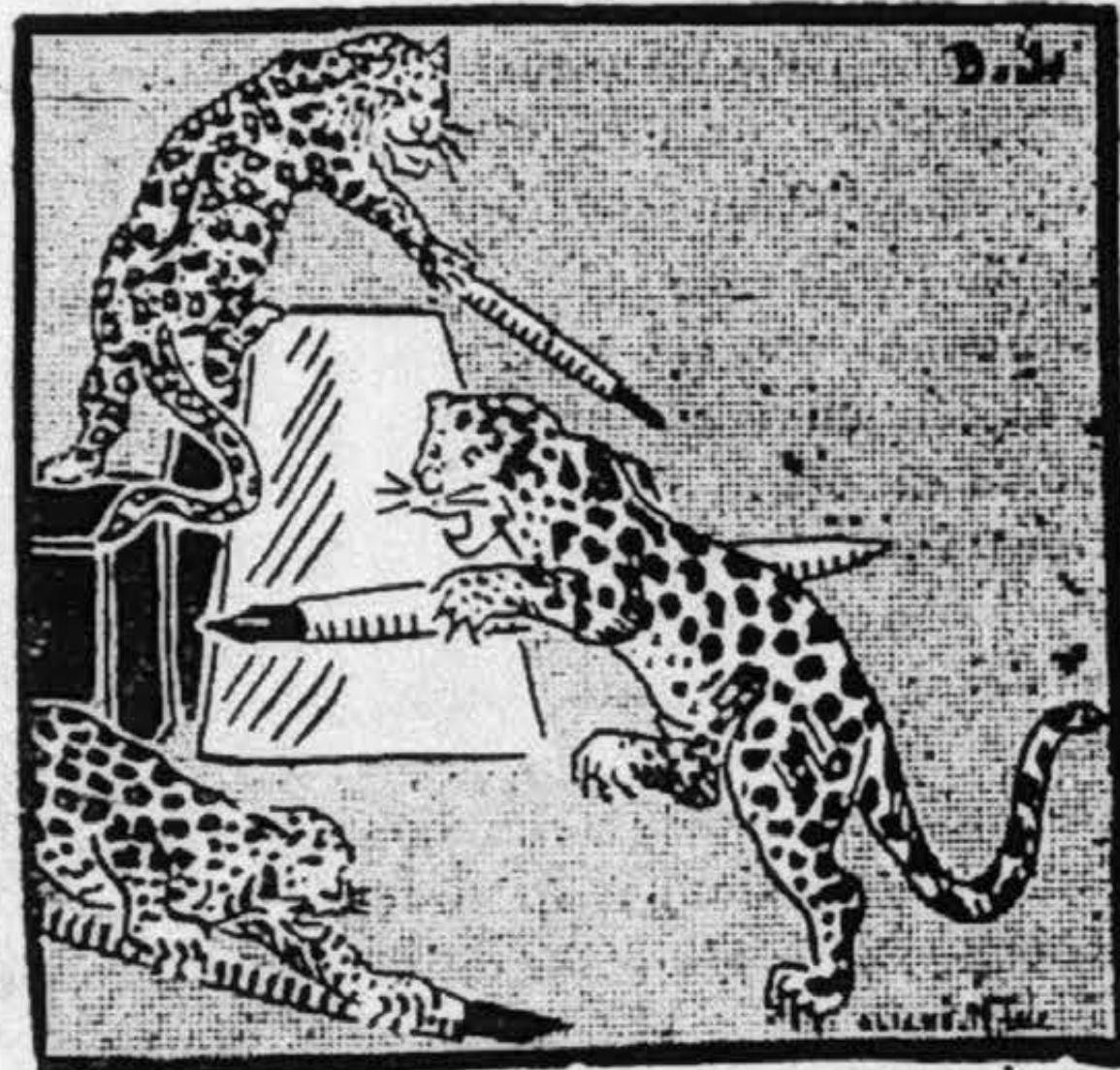
85 Rue d'Ormay Saigon



NU CƯỜI CỦA CÔ CÚC

MẬT NGHIỆP

LÀNG BÁO



Cuộc bút chiến trong làng báo.

Cẩn bạch

Độc-giã. — Ông chủ-bút, có nhiều vụ xảy ra trong nước, nhà báo có thể nói dứt một lần được mà không nói, cứ nói nữa chừng rồi hèn mai hoặc một tiếp: tôi không hiểu tại sao vậy?

Chủ-bút. — Cái đó là sự bí-mật của nhà nghề, làm sao mà nói được.

Muốn chụp hình mỹ-thuật
Muốn rọi hình thiết giống và bền
Muốn rửa hình mau và tốt.

Xin mời các ngài cứ lại

IDÉAL PHOTO
74, Boulevard Bonard
SAIGON

Cái nghề buộc nhiều điều-kiện khó khăn quá. Tôi tha kiếm phương khác sanh nhai. Nên xin cho hay rằng từ ngày nay tôi không còn mở phòng trạng-sư cổ-văn nữa.

NGUYỄN-AN-NINH

Le 28 Août 1933.

Các bạn đồng chí và cảm tình!
cố động cho PHỤ-NỮ TÂN-VĂN

LE RADIUM

AU SERVICE DE LA BEAUTÉ
PAR LA SANTÉ DE LA PEAU



Cr. T. Burnand & Co

Les
brûlures du soleil
la peau qui pèle, la cuisson
douloureuse après un bain
de soleil sur la plage...
tout cela passe rapidement
avec de larges applications
de la crème embellissante et
curative.

THO-RADIA

active la circulation,
raffermit les tissus,
élimine la graisse,
empêche la déformation
des pores, prévient et
supprime les rides.

A BASE DE THORIUM ET DE RADIUM
SELON LA FORMULE DU Docteur Alfred CURIE

FORMULE:
Thorium chloré: 0,50 gr.
Radium bromure: 0,25 microgr.
Excipient Q. S. P.: 100 gr.

LE TUBE: 1\$10 — LE POT: 1,5\$65

Brochure gratuite sur demande à l'agence générale pour l'Indochine, 76bis, Rue Mac Mahon, Saigon

Quí Bà Quí Cô nên tin cậy chúng tôi, Quí Bà cùng nên tin theo cái gương soi mặt của quí bà, nên mỗi ngày quí bà dùng Crème THO RADIA này, thì quí bà sẽ lần lần thấy mình trở nên đẹp lạ thường.

Crème THO RADIA nhờ khoa học mà tìm ra được, không phải so sánh với các thứ Crème thường. Y-khoa Bác-sĩ Alfred Curie là người đã chế ra Crème THO RADIA, dám cam đoan cùng quí bà: Hễ dùng Crème THO RADIA thì già sẽ hóa trẻ, còn các Cô còn trẻ mà dùng THO RADIA thì sự xinh đẹp sẽ được năm bảy phần hơn.

LỜI THỈNH CẦU CÙNG CÁC VỊ TỬ TÂM

Ngày 18 Aout 1933, quan Thống-đốc Nam-kỳ qui danh Krauthelmer, đã sẵn lòng chiếu-cổ mà chuẩn-y bốn điều-lệ của Ban cứu giúp người thất-nghiệp, và ngài cũng đã vui lòng nhận chức Chủ-tịch danh dự của Ban đã dâng cho ngài; cái cử-chỉ ấy đủ tỏ cho ai nấy thấy ngài có nhiệt-tâm với Ban từ bữa ban-sơ.

Vả lại, ai nấy ở đây cũng đã thấy, biết, quan Thống-đốc Nam-kỳ giàu lòng từ-thiện và nhiều dạ nhiệt-thành đối với những công-cuộc tương-lễ và nhân-tế xã-hội là thế nào.

Hẳn thiết, toàn thể dân chúng đều công-nhận cái sự quan trọng của cái xã-hội hiện-thời là cái « hai thất-nghiệp », và ai nấy cũng thấy rõ sự cần cấp trong cuộc bài trừ hoặc giảm bớt cái sự hại ấy. Cứ do nơi sự hăm-hở sốt-sắng của một số đông người có từ-tâm đối với Ban cứu giúp người thất-nghiệp mới thành-lập đây, cũng đủ hiểu rằng cái sự thất-nghiệp nó độc-hại là dường nào?

Ở bên Âu-châu, nó khốc-hại lắm và người ta ghê sợ nó vô cùng.

Ở đây, nó còn nguy-hiêm hơn nữa!

Ta hãy tưởng nghĩ đến những kẻ khốn cùng giữa cái thời-buổi này. Họ đến Nam-kỳ một ngày nọ, trong tay họ ảo-tưởng rằng ở đây đồng bạc dễ kiếm lắm, trong tay họ nắm sẵn một tờ giao-kèo làm công-việc, tờ giao-kèo hợp-pháp lắm, và có đủ lẽ có thể làm cho họ thỏa-mãn được những cái nguyện-vọng tâm-thường.

Nhưng than ôi, nào đề đâu, phút-chốc, xứ Nam-kỳ phồn-thịnh này bỗng tiêu-tan như đám sương mù gặp mặt thái-dương buổi sáng!

Những cuộc thương-mãi, những nhà công-nghệ, những sở trồng trọt thịnh-linh suy sụp như đồng cát bị nước xói; người làm công bị bớt, lương bổng bị giảm, rồi đó, họ hết phương thế làm ăn, từ cổ vô thân ở nơi xứ lạ quê người, biết bao là nỗi thấm niếm lo, lắm lúc lại thêm gia-quyền đông đảo buộc ràng, như gánh nặng trên vai người lữ-thứ!

Đã đành cam phận phiêu-lưu như ván trôi sông dập, đi đâu này xin, đi đâu kia hỏi, cái đời khốn-nan của người thất-nghiệp khởi điểm từ đây.

Họ đi, từ cửa này sang cửa khác, hỏi dò chỗ làm, mà than ôi! chỗ làm càng ngày càng hiếm có, rồi cùng thế họ phải buộc lòng đi xin để nuôi thân!

Ôi thôi, còn kẻ chi là danh-dự của con người trong cái buổi cùng-đồ mạc-lộ này nữa! Tự mình

biết không còn trông cậy nơi sức lực tâm-lung của mình nữa, lần lần cái hoàn-cảnh nào-nặng nề làm cho người thất-nghiệp mất luôn cả hi-vọng về tương-lai, rồi rồi cuộc họ chịu bỏ tay mà để cho con ma nghèo đói nó giày-bừa, khổ nhục.

Còn cái cảnh thăm-nhào, ưu-sầu của người đàn-bà và của những đứa trẻ con, ta còn biết có lời gì mà tả được.

Lại còn số người thất-nghiệp Annam, như thợ-toán, như thợ-kỹ các sở công, sở buôn, như bồi, như bếp, như sắp-phơ, như cu-li vãn vãn, hiện thời đông-đáo lắm, mà chỗ làm ở chợ cũng hiếm hoi, việc làm ở đồng cũng khó kiếm vì đất ruộng phải bỏ hoang nhiều.

BAN CỨU GIÚP NGƯỜI THẤT-NGHIỆP không dám tự-phu đem cho những người thất-nghiệp một cái cuộc sanh-hoạt khoái-lạc vô-lự. Ban chúng tôi chỉ có lòng thành nhứt-quyết giúp cho người thất-nghiệp đủ sống được trong thời buổi này, dù ăm ặt, dù nó lòng, khỏi cái khổ bữa trưa có bữa chiều không đó thôi.

Ban chúng tôi cũng rần lo kiếm việc làm cho người thất-nghiệp và nếu có thể, BAN chúng tôi cũng sẽ giao việc làm cho nữa.

Ban chúng tôi xin có lời cầu khẩn với tất cả những người hảo-hiệp từ-tâm, bất luận nơi giống nào, giai-cấp nào, tôn-giáo nào, hoặc đảng-phái nào, đề xin quần-chúng giúp sức với Ban chúng tôi trong cuộc giúp đỡ kẻ thất-nghiệp này.

Ban chúng tôi rất lấy làm thăm vì hảo tâm sẽ cho vật-liệu, thực-phẩm v. v. Xin thủ thật rằng Ban chúng tôi cần dùng khẩn-cấp:

Đồ dùng trong việc nấu cơm (nhiều lắm): Chén, đĩa, bát, muỗng, nĩa, dao, thìa v. v. cho người Tây và người Annam dùng.

Vị đạo mướn cho người thất-nghiệp món chi, xin do nơi hội-quan ở tại dinh Đốc-lý Saigon.

Ban chúng tôi xin nhận phần cho chuyển những vật gì năng nề.

Các vị thương-giá, và các vị có đủ đồ dùng, xin các ngài cho họ món gì mà chẳng cho chúng tôi biết trước. Ban chúng tôi sẽ gửi được đầu cho những món ấy nhờ món thế nào.

Hãy cho kẻ thất-nghiệp! Hãy giúp người thất-nghiệp.

Hãy cho Ban chúng tôi vật gì mà các ngài thối-dùng, trước khi để cho nó hư hỏng, kéo mà dùng làm.

Ban Cứu-giúp người Thất-nghiệp.
Kính cáo, và đa tạ trước những vị hảo tâm.



CÁI KIẾP TÁ BIẾN

Tác - giả : PHƯƠNG - LAN

Vàng thái dương đã từ từ chìm lặn. Một khoảng đồng ruộng minh-mông, mới khi nãy đương rực-rỡ thanh-quang, bây giờ thấy đổi ra như nhuộm màu thủy-mặc. Kia, trên chót vót mấy hàng cây gạo ở xa xa, hãy còn rờn-đôn những ánh vàng tàn-chiếu, như hình muốn tỏ tình lưu-luyến với vật vô-tri, phải chăng đó là cái chào tạm-biệt của bóng mặt trời cùng cỏ hoa muôn vật?... Ngoài ra mấy con chim bay về núi lẻ-tẻ trên tầng mây, với lại hạ thẳm mục cời lưng trâu, nghêu-ngao bên bờ ruộng, thì chẳng còn ai xen vào mà làm mất cái vẻ tịch-mịch ở chốn này...

À mà quên. Cũng trong đồng ruộng vắng-vẻ ấy, lại thấy có hai cái hình người — một người đàn-ông và một đứa con nít, — đương xếp - ghình bước thấp bước cao, vạch cỏ rêu lau má len-lỏi đi mau ở trên mấy con đường mòn khúc - khuỷu nhỏ hẹp. Người đàn-ông thì mình ở trần, bày màu da đen trày - trày và những bắp thịt nổi lên ở hai cánh tay;

đội mặc cái quần xà-lầu; đầu tóc hóa rậm quăn cái khăn vải trắng khêu như màu đất sét. Ấy là anh ba Tí, một người ta diện của ông phó-đồng Lê Văn Định ở vùng này. Anh ba Tí cầm nơi tay một cái phăng và một cái cù-nèo, còn tay trái thì niu lấy tay thẳng Lung, con trai của anh, năm nay độ chừng đầu mười một mười hai tuổi. Cũng giống hệt như tia nó, thẳng Lung mới bảy lăm mà cũng bị phơi nắng nhuộm bầm đen thui đen thui; đầu cạo trọc lóc, mình cũng ở trần, xết y-phục trong

châu-thân chỉ thấy cái quần cụt ngùn vừa lơ lơ đầu gối. Một tay thì niu lấy tay cha nó, còn một tay thì cầm con roi quất-quất ở đằng trước.

Hai cha con vừa đi vừa nói chuyện:

— Sao bữa nay con đem trâu về sớm vậy?
— Ông chủ dặn, biểu đem về sớm, chờ để tối khó đem vô chuồng lắm. Ba, hồi nãy con đem trâu vô chuồng rồi nghe ba; rồi hồi con về con thấy anh Hai già gạo.

— Ủ...
— Con có kêu anh nữa, rồi anh cười hề-hề với con ba à!

— Đi mau mau về ăn cơm, ba đói bụng quá.

— Con cũng đói lắm.



Một cái nhà là hai căn, nền đất, cột tre, ở dựa mé sông xóm Xà-mách (thuộc về hạt Long-xuyên) và dóm mặt xuống mé sông, ấy là nhà anh ba Tí. Vô nhà dóm lên nóc thì thấy vô số những lỗ là rách lũng nho nhỏ; là đã rách, rách cũng xiêu.

mà chủ nhà vẫn chưa cất lại được. Bấy nhiêu đó cũng đủ cho độc-giá đoán biết gia-tư anh ba Tí cũng khổ là thế nào... Đờ đờ trong nhà? — Thì chỉ có cái bàn thờ bằng cây chạm ở chính giữa, nhưng đã gãy hết một chân, đến nỗi anh ba Tí phải kiếm một khúc cây khác rồi lấy dây thép mà buộc vào, nên cái bàn bốn chân mà ba chân chạm — chạm một cách què vung thò chề — còn một chân nữa bằng tre! Trên bàn để một tấm bình phong nhỏ cân-độc — (nhưng nói cho thiệt thì ộc

PHU NU TAN VAN

nó rút đầu hết tự hồi nào rồi, chỉ chừa những lỗ cần đen-ten, với một hai cái vẩy xa-cừ nhỏ nhỏ) — hai cái chưa đen cây và một lư hương bằng đất để ở sau tấm bình phuồng. Hai bên bàn thờ thấy lót hai cái sập tre rồi thì kể tới cái bếp ở ngay phía sau cái sập ở tay trái, còn bên tay một thì một cái bồ lúa nhỏ nhỏ.

Trước hàng ba, ngay chính giữa nhà, có một bộ ngựa dầu, trên bộ ngựa thấy để sẵn một cái mâm cây, một chõng chén đá với một bó đuốc tre.

Chị ba Tị đương bỗng đưa con ngồi cho bú ở gần bên chỗ cái mâm. Chị ta mặc áo tui đen và quần đen nhưng đã trở màu hoen-hoét, nơi cổ đeo bùa lem-lem rắn rắn. Vợ ba Tị coi người mập-mạp, mặt mũi cũng nám đen, vì mỗi bữa chị ta phải ra đồng làm việc giúp với chồng luôn, nhưng thường lệ buổi chiều nào chị cũng về sớm một chút để lo cơm nước ở nhà. Vì vậy nên giờ này vẫn thấy chị ngồi nơi cái mâm đã có sẵn chén dĩa mà ngó ra, chỉ chực chõng về lấy dọn cơm ra vậy.

Trước sân năm đứa nhỏ, hai gái, ba trai, đương chạy giỡn với hai con chó mực, đứa nào đầu cũng trọc-lóc, cổ cũng đeo bùa, ở trường ở trần và nước da cũng đen trắng như nhau.

— Ba về, ba về, bây giờ!

Thấy anh ba Tị bước vô tới đầu sân với thằng Lung, một đứa nhỏ mừng mà la rân như vậy. Rồi một đứa nữa, còn nhỏ hơn, lật đật chạy lại níu tay thằng Lung mà hỏi với cái giọng dốt-đặc của trẻ con đương cỡ tuổi ấy rằng:

— Anh a! Anh ở ất ước con ếch ao ông, cho em ương ăn anh a. (Anh ba! anh có bắt được con ếch nào không, cho em nường ăn anh ba).

— Bữa nay bắt chẳng được con nào hết.

— Ao ấy anh a?... Ai ở ấy au á ời ông?

— Ời ở ăn ơm, ời ung á! (Sao vậy anh ba?... Tại nó nhảy mau quá phải không? thối vô ăn cơm, dúi bụng quá!)

Bà! Mấy lại bỗng giùm em đây cho tao đi dọn cơm ăn coi.

Nói dọn đây là vì không có tiếng gì khác, chớ

sự thiệt thì cái bữa ăn của nhà người ta-diễn thì có chi cho lắm đâu mà kêu là dọn!... Một cái nồi cơm, — cái nồi đất khá to — với một cái tô bằng đá lớn, trong đựng đầy mắm kho, chỉ thấy nước đen lóng-bóng, chớ chẳng có thịt cá gì trong ở cả.

Vợ chồng, con cái xúm-xít lại ăn. Chị ba Tị hai tay bưng chén cơm và mà vừa ăn phải vừa lo coi chừng đứa con nhỏ nằm theo trong lòng. Bữa cơm vồn-vẹn chỉ có một tờ mắm, mà vợ chồng con cái ăn coi rất ngon-lành!...

Mới ăn đâu được nửa bữa, thỉnh thoảng nghe tiếng chó sủa vang. Anh ba Tị ngẩng đầu dòm ra ngoài ngõ, thì thấy ông phó Đính, chủ ruộng của anh đương đi vô với một người trai-trắng nữa. Cái vẻ mặt hăm hăm, cái tướng đi xằng-xái của ông phó Đính cũng đủ làm cho anh

ba Tị ngó thấy mà trái tim đánh dờm-dờm. Chẳng khác nào như thuở xưa ông Lưu-Bị nghe sấm, anh quăng đôi dĩa, để cái chén xuống, rồi chạy ra đón ông chủ, chấp hai tay lại xá một cái rất sâu và hỏi một cách rất cung-kính:

— Bẩm chủ đi chơi.

— Chơi cái gì nà! Tui bây là đồ ăn cướp mà! Lúa đông còn thiếu ba, bốn chục gia mà mấy còn đem về nhà giấu ba!...

— Dạ, bẩm tôi đâu có giấu.

— Ừ, có giấu không rồi một lát đây sẽ rõ nghe. Thử ba mươi đời người ta có ai mà chịu cha ăn cướp đâu! Biện, mấy vô nhà nó kiếm coi trong bồ nó có lúa không?

Người thừa của ông phó liền vàng lịnh đi xóng vô nhà lục soát.

Ngoài này anh ba mặt xanh như tàu lá, hai môi run lập-cập, vừa xá xá ông phó vừa nói:

— Dạ, tôi còn có mấy gia lúa để dành xay ăn chớ tôi đâu có nhiều.

— Vậy sao hồi này tao hỏi mấy, mấy nói chẳng có?...

Thấy chủ biện đi theo ông ở trong nhà trở ra, ông phó Đính hỏi tiếp:

— Sao, có không biện?

— Có.

— Mấy chục gia?

— Theo tôi coi đó thì chừng mười lăm, mười sáu gia là cùng.

— Ừ! rõ ràng là quân ăn cướp mà, lúa ruộng đông còn thiếu mà lại đem lúa về nhà giấu, chẳng chịu dong chớ.

Anh ba Tị năn nỉ:

— Dạ, tôi còn có bao nhiêu lúa, tính để dành ăn làm mùa tới. May trời nob phước, mùa tới có trúng thì sẽ trả cái thiếu năm nay; chớ nếu đem dong hết thì vợ chồng tôi làm sao mà ăn? Năm nay tôi làm có 96 gia, dong cho chủ hết tám chục gia rồi chỉ còn thiếu có ba chục gia nữa, mà tôi đã cho thằng con tôi ở với chủ để chủ có để cho tôi thiếu, mùa tới sẽ trả, chớ tôi nào có dám giữ giấu của chủ đâu!

— Chà! Như vậy mà còn chẳng giữ nữa, thiệt quân này chẳng trị nó. Nó dễ người quá há! Biện mấy, xuống kêu mấy thằng dưới ghe biền lấy thùng lên đội hết lúa đem xuống ghe, dong coi được mấy gia, rồi chở về nhà.

Chị ba Tị này giờ ngồi sững-sờ nghe chồng mình bị mắng nhiếc. Bây giờ thấy ông chủ bảo người vô xúc lúa thì chị hoảng-hồn, bỗng con chạy đến trước mặt ông chủ ruộng bệu-bạo nói:

— Tôi nghiệp vợ chồng tôi làm ông ời! lúa thì năm nào cũng thất, nhà nghèo mà bây, tám đứa con, còn mấy gia lúa để dành ăn làm mùa tới, mà nay ông lấy hết thì vợ chồng con cái tôi chắc là nhịn đói mà chết.

— Nhịn đói thì bây làm sao bây làm, chớ lúa ruộng đông chưa đủ, mà bây lại ăn cắp đem về nhà cất bồ như vậy thì bây là ông cha tao sao mà bảo tao đừng lấy?... Trời tối rồi đa, mấy thằng chó đó xúc cho mau đi.

— Tôi nghiệp vợ chồng tôi làm mà ông!...

— Ồ! Thử đồ ăn cướp, làm sao tôi nghiệp được? Ông chủ vừa nói dứt câu ấy vừa trở lưng đi xuống ghe.

Vợ chồng ba Tị trở lại mâm cơm ngồi, anh thì khoanh tay để trên đầu gối, mặt lộ vẻ tức-tối lắm, nhưng có lẽ nghĩ mình thế cô, sức yếu, nên chỉ nuốt giận mà chịu; còn chị ba Tị, bỗng con mà nước mắt tuôn đầm-dề, mỗi lần ba người đội ba thùng lúa đi ngang qua, hai vợ chồng và mấy đứa con đều đương mắt nhìn theo trao-tráo, mấy đứa con nhỏ có hiểu gì chẳng thì không biết, nhưng tia má chúng nó thì chẳng khác nào như bị kim châm vào dạ.



Bây giờ. Trời đã tối đen như mực. Nhà anh ba Tị đã thấp đèn con cóc treo lên vách. Chị ba thì đồ con nơi giường bên kia, còn anh ba thì nằm với mấy đứa nhỏ bên này. Tối nay anh nằm gát tay lên trán mà nét mặt buồn xo. ... Thỉnh thoảng nghe tiếng kêu « ba ời! » rồi lại nghe một cái thịch ở trước hàng ba. Anh lật đật ngồi dậy, lại vách với lấy cây đèn, xách ra rọi dòm ở đằng trước.

— Ừ. Anh! Mấy sao nằm đó. Lung a, lại cầm cái đèn giùm ba cái con. Thằng Lung lại cầm đèn rồi thì ba Tị cúi xuống bỗng thấy Anh lên và nghe nó rên « ư, ư! » mãi. Anh đem nó vô giường

nằm, để dưới bóng đèn dầu nữa mờ, nữa tỏ, khi ấy anh ba Tị dòm kỹ lại mới thấy con mình mặt mày chỉ đều sưng và bầm tím, lật sau lưng thì thấy đầy những lần roi hằn còn rướm rướm máu.

— Con sao vậy con?

Thằng Anh chưa kịp trả lời cho ba nó, thì má nó bỏ đứa con nhỏ nằm bên kia cũng chạy qua hỏi dồn-dập:

— Trời ời! Con tôi sao hình thế nát hết như vậy?

Bây giờ thằng Anh mới mếu máo mà kể rõ sự tình cho ba má nó nghe:

— Bà phó mắt con mồm lóc rồi bà nói con ăn cắp đưa cho thằng Lung đem về hồi chiều, nên

bà đánh con như vậy. Mà má ơi! con đâu có ăn cắp. Bà đánh con dữ quá, rồi chẳng cho con ăn cơm, bắt con ra ngủ ngoài chuồng trâu dặng giữ trâu, rồi con lên về đây...Thằng nhỏ con anh ba Tị mới nói tới đó thì bỗng nghe có tiếng người la lớn ở phía trước hàng ba:

— Thằng Tị đâu rồi? Cha chả! Quán này nó cứng đầu dữ be!

Nghe tiếng anh ba Tị liền nhận biết ngay là tiếng thầy phó Đính.

— Dạ, tôi trong này ông, thằng nhỏ con tôi sao nó như vậy chẳng biết.

Vừa bước vô gần giường, thầy phó vừa nói:

— Bày muốn ăn cướp của tao bây con làm bộ. Thằng nhỏ này bày lớn — thầy phó chỉ vào thằng

Ảnh — chớ cũng ăn cướp nữa! Mắm lóc dể trong bếp mà nó cũng ăn cắp cho được, rồi lại bỏ trốn về đây. Đ... m... tổ bảy.

Nói tới đây ông lại chơn-vòn tới tính đánh thằng Ảnh nữa.

Anh ba Tị nhớ tới những lần roi trên mình mấy thằng Ảnh chừng nào lại càng căm tức thay cho cách ở ăn vô-nhơn-đạo của thầy phó chừng này; nghĩ sá gì một con mắm lóc, mà phải thằng Ảnh có ăn cắp cũng không nói làm gì, cái này thật nó chẳng có ăn cắp, mà đánh nó gần chết như vậy, nó đã sợ nó trốn về nhà, bây giờ lại còn theo đánh nữa!... Con cái mình đã ra thân làm tôi mọi cho người ta, cực khổ như thế, mà vợ chồng có ba hột lúa để dành ăn, người ta cũng đến giết cho được. Nghĩ tới đây sự căm tức nó làm cho anh ba Tị không còn biết sợ là gì, nên khi thấy ông Phó dơ tay đánh con anh, thì anh liền nện tay ông lại:

— Dạ, ông đánh chớ phải kiêng chữ nhà. Con tôi có lỗi, ông nói với tôi, tôi đánh nó, có đâu ông đã đánh nó thân hình như vậy rồi...

KHÔNG GIỐNG GỖI TRẢ LẠI LÀ
MỘT TẤM HÌNH VẼ

BUSTE NOIR: 050 x 060

Giá 2\$70

NGUYỄN-VĂN-KHUÔNG

Artiste portraitiste

432-434, Quai de Choquan
En face de la gare Jaccaréo

CHOLON

Ở xa gửi C. Remboursement

Anh ba nói chưa dứt lời, thì ông phó Đính trợn mắt, phùng mang, mà hét lớn thiếu đều cái nhà là nhỏ muốn run rinh:

— Cha! Mày dám cự với tao hả? Để tao cho mày cự!...

Dứt lời ông liền kéo xên thằng Ảnh té xuống đất một cái thịch. Đau lòng, nóng mặt, anh ba Tị liền xô ông một cái, ông phó giận dữ mới kêu to lên rằng:

— Biện a! Thằng Tị nó giết tao đây nè! mày đánh mỗ hời một lên, cho dân tới trối nó đem về nhà làng cho tao.

Anh biện vàng lời ông phó, liền lấy dờ tấm ván ngựa của anh ba Tị để ngoài hàng ba để làm cái mỗ, rồi lấy cây đánh lóc cốc huyền-thiên...

Ở miệt đồng hồ nghe tiếng mỗ thì người ta tu tới mau lắm. Bề gi lời của ông phó lại chẳng có lý hơn một tèo tá-điền như anh ba Tị? Hai cha con anh này bị trối thúc ké lại và giải ra nhà làng liền trong khi đó.

Ba tháng sau, trong tờ Nam-kỳ nhật-báo ở Saigon, thấy nơi trương ruột, về mục thời-sự Longxuyên có đăng cái tin vắn này:

« Sáng thứ hai vừa rồi, tòa án Longxuyên đã xử vụ tên cường bạo Phan văn-Tị, tá-điền ở làng Xà-mách, đánh thầy Phó-tổng Lê-kim-Đính trọng « bịnh. Tòa hỏi, tên Tị không chối cái gì dặng « nên tòa kêu án hai năm tù. »

Ai tin

Bổn-báo mới hay tin buồn rằng hiền-nội của quan tòa Đỗ-hữu-Trí, quý danh Madeleine Trương-thị-Kiều, đã tạ-thế hôm 29 Aout 1933, tại tư-xá số 198 đường Mayer Saigon. Bà hưởng thọ 48 tuổi.

Lê phát-hành đã định hời bốn giờ chiều ngày 31 Aout, và an-táng tại Chi-hòa (Giadinh).

Phụ-nữ Tân-văn xin chia buồn với quan tòa Trí và chúc cho hương hồn bà được tiêu-diệu nơi chốn Thiên-dàng.

Ông Phạm-văn-Cơ, nghiêm-thần ông Phạm-văn-Thanh, cựu chủ-bút báo Công-Luận, đã tạ-thế ngày 27 Aout 1933 tại Thủ-đức, hưởng thọ dặng 67 tuổi.

Lê an-táng đã cử hành hời 4 giờ chiều ngày 31 Aout.

Bổn báo đồng-nhân xin chia buồn với tang quyến và chúc cho hương hồn Phạm-tiên-sanh sớm được tiêu-diệu nơi Lạc-thổ.

Phụ-nữ Tân-văn

NU'OC ĐỤC BỤI TRONG

Của BÍCH-THỦY

(Tiếp theo số 214)

— Đi ra!... Đi ra ngay!... Mì chưa thấu đáo tâm-tĩnh ta, mì chưa phải là người biết được ta! Ta còn yêu vợ ta lắm đây! Ta không bao giờ yêu con người hời-tanh nhớp-nhứa của mì đâu mì đừng căm-dở mà vô ích! Kỳ-Xuyên lại quát mắng.

Lê-Châu cười lạnh-lãnh. Cô biết rằng Kỳ-Xuyên nhân nghĩ đến Ngọc-Dung mà khinh-miệt cô. Nhưng cô không căm hận Kỳ-Xuyên mà chỉ căm hận Ngọc-Dung. Cô căm hận Ngọc-Dung bởi nhiều duyên-cớ:

Thoạt tiên, lúc còn là bạn gái với nhau, cô đã ghét Ngọc-Dung vì Ngọc-Dung xinh đẹp hơn cô; kể đó, cô lại ghét Ngọc-Dung vì Ngọc-Dung kết duyên với Kỳ-Xuyên là người mà cô ao-uớc lấy làm chồng; thứ nữa, cô thêm ghét Ngọc-Dung vì Ngọc-Dung được một sở làm trong một gia-quyển sang-trọng ở tỉnh thành; sau cùng, cô càng ghét Ngọc-Dung vì Ngọc-Dung còn là cái « trớ-lực » trong cuộc Kỳ-Xuyên và Lê-Châu phối-hợp.

Bao nhiêu những thứ ghen-ghét ấy — thứ ghen-ghét thường-trụ bất-diệt của người đàn-bà hiềm-trá — Lê-Châu cuu-mang nuôi-nấng mấy năm trong phúc-trung một cách kiên-nhẫn và bí-mật, ban đầu nó còn nhỏ, lần lần nó lớn hơn lên. Ngập quá hóa tràn, cũng như mạch nước ngầm thoát trên mặt đất làm thành mội và suối. Phương chi hôm nay « việc » sắp thành, bỗng vì một chút di-ảnh của Ngọc-Dung thấp-thoảng trong tư-não Kỳ-Xuyên mà bao nhiêu công-phu tỉ-mỉ của Lê-Châu tự-hở một cái lâu-đài giấy nhẹ-nhàng cất trên bãi biển phải sóng to gió cả lôi cuốn đi mất, thì cái ganh-ghét của Lê-Châu càng gấp dịp xuất-đầu lộ-diện lắm, cũng như một hạt giống gặp nước tươi lên mà đâm chồi nức mọng ra.

Lê-Châu cười ran-rần và chưởi mắng:

— Đồ thất-phu si-ngốc! Thế ra mày chưa thấy con khốn Ngọc-Dung nó « dầm dềch » vào mặt mày mà không thêm trở về với mày hay sao? Nó giữ dạng hiền-hậu đoạn-trang, kỳ trung nó là hạng gái lẳng-lơ xảo-quyệt, đã lợi-dụng mày làm nấc

thang cho nó trèo lên ngôi sung-sướng. Mày khờ quá, Kỳ-Xuyên hời! Mày phải biết rằng: nếu nó muốn lưu-ngu mãi ngoài thành-phố, tất-nhiên là vì nó đã tìm được cái khoái-lạc ở đấy. Từ rày trở đi, tự mày hãy săn-sóc chăm-nom lấy con

mày nhé? Mày đừng mong tao đến thay mặt con tiện-ti Ngọc-Dung mà thu vén lớp-lang trong nhà này. Tao thì ăn cho bảy đã nhiều lắm rồi, thứ nhất là thi ăn cho một thằng chồng ngu-lỗ chỉ cam khóc than vì lẽ vợ bội-ước vong-tĩnh; tao không đại gì làm mọi giúp bảy nữa!...

— Cha chả! Con yêu cái này già mồm mép dữ! Kỳ-Xuyên hét lớn. Hãy nín và đi ra khỏi nhà ta lập tức.

— Hà hà! Lê-Châu cười nói một cách cay-ngiệt. Đồ phản-phúc! Tao là ân-nhân của mày đây mà! Mày ra oai hùm hổ với tao làm gì?! Chính với con gấu-ngựa Ngọc-Dung kia mày mới nên trác-ma đánh đập thôi, vì nó đã thất tiết rồi, nó đã lạm-dụng thời-giờ nhân-hà đem thân hi-hước cùng các cậu công-tử tài-sắc ở tỉnh-lỵ.

— Đồ khốn! Đừng nói bá-báp. Phải đi cho chóng!

Dứt lời, Kỳ-Xuyên chộp cái hũ đất nặng nề to-tường đương để trên bàn mà ném vào mặt Lê-Châu; nhưng Lê-Châu đã tiên-tri cái ý-hướng của Kỳ-Xuyên, nhứt cử nhứt động của Kỳ-Xuyên đều không lọt qua mắt cô, thành-thủ Kỳ-Xuyên vừa giơ tay chực ném, là cô ta đã thoát ra ngoài và lạnh tay đồng cửa lại. Cái hũ đất bay tới, chạm vào cánh cửa tre, phải vỡ nát ra từng mảnh, không làm hại được Lê-Châu mảy mảy nào cả.

Ngoài đường, Lê-Châu vừa chạy vừa vỗ tay reo cười âm-ý, giọng cười như nguyền, như rủa, như



mia-mai, như phi-bang Kỳ-Xuyen, làm cho chàng nạt gan sốt ruột.



Từ sau khi Lệ-Châu đi rồi, Kỳ-Xuyen lần lần nhớ lại một câu trong những câu cô ta đã nói hồi nãy : « Ngọc-Dung đem thân hi-hước cùng các cậu công-tử tài sắc ở tỉnh-lỵ. » Mấy lời độc ác này, chẳng biết lúc cô Lệ-Châu nhân-tâm phun nó ra, cô có tiên-dịnh rằng rồi nó sẽ làm cho Kỳ-Xuyen đau-dớn chăng? nó sẽ khai ngôi ghen-tương của Kỳ-Xuyen chăng?

Những sự đại-biến trong một kiếp người, thường thường xảy ra không cần gì phải có đại nguyên-cớ.

Kỳ-Xuyen thuở nay không biết cái « ghen-tương » là gì, thế mà mới đây nhân vài tiếng Lệ-Châu vu-thác cho Ngọc-Dung, chàng sinh ra có cái tư-tưởng hồ-nghi cho tiết-bạch của vợ không được vuông tròn; giá có người vợ ấy bên cạnh chàng, chàng dám vận hống vợ chết phứt mới đủ nư giận!

Đêm đó Kỳ-Xuyen không ngủ được, mà đến cả ba bốn đêm nữa chàng cũng không ngủ được. Canh trường khắc lậu, Kỳ-Xuyen trở-trần trần-trở không thể nhắm giấc, nằm chán thì ngồi, ngồi chán lại nằm, ngẫm tới đường kia nỗi nọ, dạ rối bời-bời, phẫn hăm duyên hời, tơ lòng đòi-đoạn! Chàng cứ trần-trọc thao-thức mãi đến sáng, thao-thức mà đầu óc những nhức-nhối với mấy câu nghi-vấn chua-chát và nặng-nề:

— Lệ-Châu nói thế có khi nhảm! Ở thành-phố nào cũng có một thứ đàn-ông vừa thanh-lân vừa phú-quí, vừa nhã-nhận, vừa khôn lanh, có đủ cả tài-trí để rừ-ren quyến-du một á thiếu-nữ ít học-thức và hay mơ-máng về ái-tình. Biết đâu cái sắc đẹp Ngọc-Dung không xui một bác bạch-tỷ công-tử thêm rỏ dãi mà dóm-dò chú-ý đến nàng? Biết đâu với cái tính-chất non-nớt yếu mềm như cây trinh-nữ, dễ cảm-xúc, dễ thu-động, Ngọc-Dung liệu có lánh được những câu dỗ dành dụ-ngọt như giọng quyền tiếng kèn của bọn mê-hoặc loài rắn (*charmeur de serpents*), dễ khời sa vào cạm bẫy của phường bợm-bãi Sở-Khanh? Dễ thường Ngọc-Dung đã nhẹ dạ tin nghe theo lời rừ-quên của một anh chàng « tốt mã » phờm-phình nào đây, cái anh chàng ấy có thuật làm cho nàng được khoái-hoat mà quên tất cả người xưa cảnh cũ!... Ừ, phải rồi! Nếu không, sao lại có những bức thơ quái-dân do nàng gởi về kia? Những bức thơ ấy chính là một mớ tang-vật về sự Ngọc-Dung bội-phu thất-tiết vậy!

Nghĩ thế, Kỳ-Xuyen bỗng có cái cuồng-dục biệt

gia-đình, ly-cổ-hương, tay bế con thơ, chân dò lần bước, để ra tận tỉnh-lỵ tìm Ngọc-Dung mà tây bần.

Một cái biến-cổ bất-thình-linh giúp cho Kỳ-Xuyen một dịp tốt để chàng có thể từ bỏ quê-quán nhà cửa mà đi tìm vợ.

Cái dịp ấy xảy ra nhằm một buổi sáng, lúc viên quản-gia của hầu tước Võ-Đặng Tông-Son là Giai-Xuân đến thi-hành mạng-lệnh của chủ.

Luôn mấy tuần rồi, Kỳ-Xuyen không làm-lung gì được. Liều-tuy vì con ghen tương, xít-xa bởi nỗi sâu-thăm, trong tư-tưởng-giới không còn cái định-kiến Ngọc-Dung trở về nữa — định-kiến mà mấy lâu nay chàng cứ theo đuổi song không hoạch-tróc được và đã làm cho chàng khô quã tim, tim buồn phổi — Kỳ-Xuyen bây giờ đành đánh liều nhắm mắt kỳ-thác thân mình cho cuộc thế vẫn xoay, không ra sức phản-động với nghịch-cảnh, không cố ý phẫn-đấu trên bàn cờ « lữ-vong », cũng giống như anh chàng bị đắm thuyền giữa chốn phong-ba đại-hải vào lúc đêm tối, đã kiệt-lực bơi lội mà chẳng len được gần bờ bãi, chỉ còn có một cách là phó mình cho ngọn triều đưa đẩy!

— Chào chú mày! Chú mày mạnh giỏi há?

Giai-Xuân chào hỏi xong, lại nói:

— Hầu-tước sai tao đến thăm tiên chủ mày còn thiếu đây.

— Thế nào? Kỳ-Xuyen đáp. Tiền tá-canh tưởng tôi đã trả cho Hầu-tước rồi kia mà! Vợ tôi đi ở vú là vì lẽ đó chứ?

(Còn tiếp)

P. NGUYỄN-VĂN-CHÂU

Môn bài 18, đại-lộ Galliéni

SAIGON

là nhà chuyên môn về nghề đóng bìa sách

và đủ các thứ hộp bìa carton

Giá rẻ hơn các nơi



HÒN MÁU BÒ RỒI

(Tiếp theo số 214)

II. — Dòng nư để thơ

Mừng phát run, Cảnh-Du thưa:

— Đã lâu rồi tôi được hân-hạnh xem tập thi của cô cho mượn Giận vì tôi bất tài không họa nổi hết, chỉ họa nổi có một bài trong bao nhiêu bức gấm thêu hoa dệt của cô. Lại đã lâu rồi, tôi muốn dâng lên cho cô làm duyệt. Song ngại mình lời còn quê kịch, nên chưa dám dâng. Đây là cái thơ ấy. Chẳng hay nó có duyên mà được khách tài tình thưởng thức chăng?

Kim-Phụng chẳng lấy gì làm lạ, mà ung dung đáp:

— Thầy họa hồi nào?

— Lâu rồi.

— Cơ khổ thi thời! Nếu biết thầy có thơ hay mà tôi chưa được xem, thì tôi ức bụng lắm. Đầu thầy đưa cho tôi.

Kim-Phụng đưa tay lấy, Cảnh-Du thụt tay lại:

— Không! Thơ tôi, tôi có lời nói trước với cô hai, lời lẽ ngu dốt lắm. Không biết cô đọc đến rồi có lem cái óc minh-tuệ của cô chăng?

— Hề là anh em thì cứ thiệt-tình, thầy chớ nói khiêm-tốn. Tôi nài xin thầy cho tôi coi mà. Đâu?

Cảnh-Du đưa phong thơ ra nhưng cứ nắm cứng:

— Thôi lắm, cô hai ạ!

— Chết!...

Kim-Phụng lẹ tay giật đại phong thơ ở tay Cảnh-Du mà thọt phốc vô túi vừa rồi thì ông Tâm vừa vô.

— Trừ những ngày bãi trường, ngày lễ, thứ năm, và chúa-nhật, một năm còn có mấy ngày dạy đầu thầy hai, há?

Cảnh-Du lẹ trí đáp:

— Như năm rồi, người ta tính, dạy không đầy nửa năm.

— Sở giáo-huấn nghĩ hơn các sở. Mà phải, có ai đâu nói hơi ra bắt đầu từ trống vô chỉ trống về, hết ngày này sang ngày nọ cho nổi. Nếu không chờ nghĩ như thế, thì có còn dân mà hưởng phần tiền hưu trí.

Tác-giả:

PHAN-HUÂN-CHƯƠNG

Có hai lại nói đùa một câu nữa rằng:

— Hèn chi họ nói mấy ông giáo diễn-thuyết thi hay, vì tập nói đã quen.

Cảnh-Du cũng cười đùa theo cô ta.

Kim-Phụng thấy Cảnh-Du có máu mặt lại, mới yên tâm.

Cảnh-Du từ nhà ông Tâm ra về. Dọc đường, thầy rùn mình rùn gáy không biết mấy lần, và mỗi lần rùn mình là mỗi lần táng dờm, dường bị một mớ hình phạt về tinh-thần vậy.

Kim-Phụng giằng để cái thơ của Cảnh-Du ở trong túi cũng không yên một chút nào. Cô nghĩ họa thơ là đều chẳng lạ. Cái « ý » của người họa thơ mới đáng cho là lạ. Nhưng cái « ý » họa thơ chưa lạ bằng cử-chỉ của người họa thơ. Cái thơ này mình nên xem hay không nên xem?

Ngồi chống tay lên cằm. Bấy giờ bên tai cô văng vẳng những là câu: « ... Gái thì coi sóc việc nhà, ... những là canh-cửi... thêu thùa... », toàn là những câu nữ-huấn ngày thường có vắn tâm-niệm.

Câu hỏi: « Nên xem hay không » nó linh binh trong óc Kim-Phụng như con nước « tron »: nó không chảy cho ra bề nào mà cũng không không.

Tối đến. Cửa trước đóng, cửa sau đóng, Kim-Phụng xem xét trong ngoài tìm-tất rồi mới vô buồng nghĩ.

Buồng của cô ở phía tay trái, từ trong ngõ ra. Trước buồng rủ bức màn xanh. Sát trong buồng kê cái giường cây « thau-lau », trên giường rủ xuống cái mùng lưới trắng tinh. Đối với cái giường và dựa vách có cái tủ kiến đứng, đựng quần áo. Dựa cửa sổ có cái bàn; trên bàn sách vở có, viết mực có, quã may có.

Cửa buồng khép lại kỹ lưỡng, Kim-Phụng xê lại ghế. Có dờ quã may ra, đem lại kế bên. Có tựa ngọn đèn mà may.

Có may, may thiệt; nhưng chốc lát cô dừng tay lại, mắt cô chăm chỉ trên mảnh giấy còn con trãi ngựa trên bàn, dưới ánh đèn hồng. Dưới cặp mắt xanh của cô, lộ ra mấy hàng chữ như vậy:

HỌA BÀI: ĐỀ ANH TRONG GƯƠNG
Người ngọc sanh ra ở cõi đời,
Dung nhan càng ngấm lại càng tươi.
Khoe xinh mọi vẻ, hai làn sóng,
Đua nở trăm hoa, một nụ cười!
Tri-thức kể từ ngày gá tiếng,
Tình chung âu có lúc quen hơi.
Không duyên há để trời cho gặp,
Đã gặp là duyên, có phải người!

Kim-Phụng ngồi sững quên may. Một chập có đẹp quã may, lu đèn vào mùng năm. Có năm chớ chưa ngủ. Năm vất tay lên trán, bao nhiêu chuyện nóng nôi của đời cô hiện hình chuyễn chuyễn qua trước mắt cô chẳng dứt như xâu chuỗi tràng hạt, như phim-ảnh chạy ngang ngọn lửa điện. — « Cái phần số mình, có thăm nói, vô duyên hết sức. Đồi trông trang bạn quanh mình, thời nhân đủ đôi, uyên ương có cặp, chớ có đâu như mình. Ta chẳng sá quã gì, nếu ta có một thân một mình. Thương thay cho cha già! Sợ nỗi mưa mai nắng chiều...! »

Giọt thương tâm đầu đã sẵn, Kim-Phụng nghĩ đến đó nó vùng đồ vẩn dãi. Cô lẩn bên này chán rồi lộn bên kia. Có khốc tủi rồi lại nghĩ: « Nghe lời cha ưng ông Phú? Trời ơi, then chết. Cái già cũng chẳng nói làm chi. Ngặt làm « bé » : cô bé năm, cô bé bảy. Đến mình là cô bé mấy? Đàn bà con gái, xấu tốt gì, chẳng kiếm được một chồng à! Xin từ kiếp làm bé. Thà không chồng mà ở vậy còn tự-do hơn. Muốn ăn thì ăn, muốn ngủ thì ngủ. Có nghèo thì may mượn, làm bánh bán, có buồn thì đọc sách. —... Không duyên há để trời cho gặp. Đã gặp là duyên có phải người!..? Duyên nợ? Có phải vậy chăng? — Cứ cái tình ý mà mình thấy, thì người ta yêu mình thiệt. Vậy người ta có quyết đem mình vào bọc bồ kinh không? Hay cũng phượng bề hoa đầu mùa? — Không, thầy giáo là chơn chất. Tuy vậy, cha mẹ người ta? — Nghe đầu như thầy đã có coi nhiều nơi: giàu có, sang có. Cái thứ mình nhờ đầu mà thầy lại thương? — Hoàng-cảnh-Du thầy ơi! Nếu quã kiếp này đây có duyên nợ chỉ chỉ, ân hân nhờ kiếp trước tôi khéo tu làm sao!... »

Vợ vãn suy nghĩ xa gần, rồi Kim-Phụng đánh một giấc ngon lành. Cái thân trọng ngọc trắng ngà của cô chỉ có ngọn đèn hồng leo-let mập mờ kia là tri kỷ, và ngoài cái tiếng lạch-cạch trên vách đồng-hồ cầm canh, thì trong nhà đều yên lặng cả.

Hỏi ai là khách chung-tình, giá những lời của khách hồng-nhan ta-thân đã lọt ra cho nghe, phòng có thương tâm không?

Cho hay những kẻ tài sắc cũng chịu một số như Kim-Phụng nào có ít!

VII. — Định ước hôn nhân

Gần ngót một tuần lễ, Cảnh-Du chẳng lại nhà ông Tâm. Khoảng thời gian đó là kể từ hôm thầy đưa cái thư cho Kim-Phụng. — Cảnh-Du không đến nhà thầy Tâm trót tuần. — Thật có vậy.

Thầy muốn đi đến đó lắm chớ. Nhưng hề đi được một khoảng đường thì có cái sức gì trong mình thầy không biết nó bẻ cho thầy đi ngã khác. Đi đến nhà ông thầy thuốc thì đường như thầy không dám, mà trở về thì thầy buồn. Thầy ngồi nhà, thầy ngóng, thầy mong, thầy đợi, như thầy chắc ý sẽ có tin đến kêu thầy. Hơn một ngày, thầy đi xit lại gần nhà ông thầy một khúc đường. Lần lần thầy đi xấp lại gần. « Cái nóc nhà Kim-Phụng kia! » Cảnh-Du vui vẻ thầm nói. Thầy đứng nhìn một hồi, thầy quanh qua đường này, đường khác, có ý cho gặp ông Tâm hay Kim-Phụng: hề mời một tiếng thầy liền theo vô nhà. Rủi cho thầy nên thầy chưa gặp ai hết. Nghĩ mà tức cười! Cái ái-tình có cái mê-tin, còn hơn thói mê-tin dị đoan.

Cái bữa cuối cùng, thầy ăn cơm xong, tắm rửa sạch sẽ, thay áo quần rồi, không đợi ai mời, thầy trực chỉ lại nhà ông Tâm. — « Minh phải bạo dạn cho quen! Cảnh-Du tự bảo. Thứ đàn ông con trai mà nhút nhát, như những chuyện nhỏ mọn vậy, chừng gặp đại sự làm gì nên thân. » Thầy tưởng thầy có gan, thầy có hơi tự đắc. Cái bạo dạn của thầy chỉ có từ ngó ông thầy Tâm trở ra, chớ từ ngó trở vô, thì thầy không còn bạo dạn nữa. Thầy đi như kẻ cắp, thầy làm tuồng như con gái mới làm đầu, thầy bước vô nhà hơi bợ-ngợ.

(Còn tiếp)

Kỷ tự trường gần tới

Các nhà buôn sách vở, giấy, mực và các học-sanh muốn mua đồ rẻ mà lại đủ thứ, xin mời lại nhà in chúng tôi, sẽ đứng vừa lòng, vì hàng của chúng tôi mua sỉ tại các nhà chế tạo bên Tây và ngoại quốc rất nhiều, nên được giá hạ mà đồ lại tốt. Ở xa xin viết thư hỏi mục lục.

Mời xuất bản bộ trường thiên tiểu-thuyết « Sóng tình » tác-giả Cẩm-Tâm trọn bộ 1p.60.

TIN-ĐỨC-THU-XÃ
37-38-39, Sabourain, Saigon

THÂM-TÌNH TIỂU-THUYẾT

(Dịch truyện lấy)

Nguyễn THỜI-XUYEN

ĐÔI CÔ ĐẲNG

(Tiếp theo số 214)

Giỏ hiu-hiu mặt khách, nước lạch-chạch hông thuyền, Tuệ-Lý hình như say cảnh, ít nói ít cười; dầu rằng Đỗ-Liệt khéo kiểm lời, song cô thiếu-phu vẫn không nói chi về mặt sự mà chàng mong biết. Có nói như vậy:

— Xin quí hữu đừng huộc tôi nhắc việc cũ, tôi không muốn. Tôi cũng không muốn nghĩ về tương-lai nữa. Chiều nay, chú ý tôi là muốn cho trí được thư thả dặng tư-tưởng viễn-vông, đừng nói chuyện khảo mà kêu cái cười gượng vậy thôi.

Chừng Đỗ-Liệt kiểu về thì đã nửa đêm.

Về sự vắng mặt của Đào-Danh, không ai để ý. Mười mấy chiếc thuyền quanh lộn trên mặt hồ, khách vẫn tưởng cho va ở trong chiếc nào đó.

Đỗ-Liệt hồi-hả mới về kịp chui lên xe chó. Chàng đến Cò-lom thì chuông nhà thờ đánh một giờ khuya.

Chưa vào trong, chàng đã nghĩ sợ có tai họa, vì thay cửa rào không có đóng. Vội vàng bước đến thềm, chàng dòm mấy cửa. Không có chi lạ. Song cái cửa rào mở kia khiến cho chàng khó-an tâm.

Trong nhà vắng vẻ. Con chó Ba-tô chạy ra, bộ linh-quýnh hình như mách sự bất tường. Nó xăm-xúi lúi vào mấy hóc mà sủa một cách tức-bực.

Đỗ-Liệt đi riết đến phòng thẳng Bạch mà gõ nhẹ nhẹ. Không nghe trả lời, chàng xô cửa mà vào. Rờ khắp giường mà chẳng gặp ai. Gối nệm đã lạnh ngắt. Chàng đồ mồ-hôi.

— Lại! Tại sao thẳng Bạch không có đây? Thế nào cũng có dấu chỉ rồi-rầm..

Chàng đánh diêm, đốt cái đèn cầy để ở đầu giường, mà rọi dưới sàng; không chừng Bạch ngủ mê té bậy đâu đây.

Cái phòng vẫn không người. Chàng bèn tháo ra mà xem xét các chỗ.

Trong nẻo thông-hành ở tầng trên có sự khác thường. Tại sao tấm màn nằm đây đồng chí sù-sup kia? Chàng bước đến dò ra xem, vừa thấy thì thối lui kinh-hãi:

— Má!

Nội cái thấy đó mà làm cho chàng như sét nổ bên đầu, như gươm đâm trong ruột; chàng hồi-hả, cử động như kẻ cuồng làm, móc đồ nhét họng mẹ ra, đoạn quí xuống-mà cắn dây, quên rằng mình

có dao xếp trong túi.

Mấy mối cứng quã làm cho chàng trầy tay, xước móng. Chàng không biết đau; chàng bị sự thống-thiết trong lòng muốn lẩn nã-nuốt hơn, vì nỗi xót xa, hồ-hộp, bức-rức.

Phải, bức rức lắm! Chàng buộc tội cho mình vì để mẹ cô-dơn ở nhà mới ra nỗi này. Nếu chàng không dự lễ du-hồ thì có đâu sanh ra việc thãm.

Chàng kể tai mà nghe hơi thở của mẹ.

Đồ-màu còn thở, song vì bị thuốc mê nên xui lơ như kẻ mất hồn. Mở trói xong rồi, con hồng me trở về phòng.

Đạp một cái, cửa phòng mở hoát, Đỗ-Liệt nhẹ-nhanh để mẹ nằm êm, đoạn mở mấy cửa sổ dặng rước khí trời thanh-khoãng.

Chàng lấy khăn nhúng nước mà lau hai bên màn tan của mẹ. Giây phút đã thấy ngực người nổi lên đang thờ dài. Lần lần nét mặt trở lại như thường và mạch nhẩy đều-dặn. Rồi, nhờ con hết lòng săn-sóc nên Đồ-màu lại-tĩnh.

Đều thấy trước nhứt của người là nét mặt lo sợ của con đương chăm-chĩ ngó mình:

— Con!... Ủ con tôi đây mà!

Nghe mẹ kêu, chàng hết sức mừng, không biết nói lời gì khác hơn là:

— Má! Con đây mà!

Đã sắp phân lìa kẻ u người hiền, mà lại được hườn hồn để sống vui vì mẫu tử tình thắm, thì cái mừng ấy chỉ có thể tưởng ra được thôi, chớ không thể tả.

Đồ-màu bèn thuật cho con nghe tự sự:

— Con biết rằng má ngủ sẽ-thức lắm. Lối mười một giờ, má nghe như có ai lên thang. Tưởng đầu con về, má lật-dật dậy dặng cho con nói chuyện về cầm-tướng của con trong cuộc du-ngoạn. Mà bước đến lan-can thì tiếng đồng nin liền. Mà nghiêng mình đang dòm; song chưa kịp thấy bóng người, thì bị đánh một cái mạnh lắm, mà té dài. Lúc đó hình như má ngộp lắm; tri-giác tiêu-tàn đầu hết làm cho má bất-tĩnh nhưn sự.

Đỗ-Liệt chắc lưỡi:

— Tôi nghiệp má biết chừng nào! Quan khốn kiếp làm cho má khổ thân như vậy, ý tưởng mà

PHU NU TAN VAN

lần sao?

— Ô! lũ khốn nạn! Nếu mà gặp mặt lũ đó, mà có thể giết nó, không hối-hận chút nào, không ngán tay chút nào, đa con!

Đồ mầu nhìn con một hồi, mới tiếp:

— Mà có một ý tưởng, song mà không dám...

Đồ-Liệt đã hiểu nửa lời, bèn hồi giọng nhỏ, song một cách vội-và rằng:

— Chúng nó phải không, mà?

— Ừ... vì con Đàng đó!

— Trời ơi! Khốn nạn cho con nhỏ biết bao nhiều!

Dứt lời, Đồ-Liệt hồi-bà ra phòng. Đồ-mầu còn yếu song cũng gượng theo con, hồi-hộp cho phận cô Đàng.

Chàng đã đến phòng của cô rồi. Đều thấy trước hết là sự lộn-xộn trong ấy. Bàn ghế ngửa-nghiêng, giấy tờ rải-rác; mấy học tử đều mở; trên giường nệm vẫn y-nguyên tỏ rằng có gái chưa có ngủ. Không đầy một giây đồng-hồ, Đồ-Liệt độ hiểu cái hại vô cùng.

Đồ-mầu bước vào, thấy con thất sắc, rụng rời, người dờ con mà nói một cách đau đớn:

— Khổ cho con tôi dường nào! Con, má khuyên con hãy can-đảm, nghe con! Con là đàn-ông, phải gần-gượng!

Dầu rằng Đồ-mầu mới vừa thoát khỏi cái nạn rất ghê-gớm, song người rần-dùng hết nghị-lực để làm cho nhẹ sự đau-đớn trong quả tim bầm dập của con.

Đồ-Liệt nghẹn-ngào, khôn cầm lụy thắm.

Giây phút chàng thờ-dài, ngó mẹ mà nói:

— Những lời má phân-hữu-lý lắm. Thật không phải hồi nên than-khóc; phải ra tay,... phải báo thù cho có gái khốn-khổ này, và nếu còn kịp thời, cứu cô khỏi tay lũ khốn.

« Con đã quả-quyết sự tội-lỗi của chúng nó.... chớ đến sự mời của Tuệ-Lý cũng là cái bầy để trói chơn con xa nhà này cho chúng nó dễ hành-sự.

« Má ôi! Tại sao con ngu quá vậy? Tại sao con để má với cô Đàng ở nhà? Mã-Lợi với con đã nghịch nhau, đáng lẽ con phải để phòng cẩn-mật lắm mới được mà!

« Ngu! Ngu cho đến mắc mưu thằng ăn cướp! Chàng đi qua đi lại mà suy nghĩ, tưởng-tượng ra ngàn cách tàn-ác mà Mã-Lợi sẽ dùng đối với cô Đàng.

Đồ-mầu an-ùi:

— Biết đâu rằng nó bắt con nhỏ dặng dề tại nhà mà kèm chế, hoặc gởi nơi trường nào nữa?

(Còn tiếp)



FROMAGE PETIT GRUYÈRE
NESTLÉ
FABRIQUE A PONTARLIER (DOUBS)
D'APRÈS LE PROCÉDÉ ORIGINAL
SOCIÉTÉ NESTLÉ (FRANCE) PARIS

Một món ăn,
vừa lành, dễ tiêu
và bổ là:
BÁNH SỮA
PETIT GRUYÈRE
NESTLÉ

NAM-KÝ THU' - QUẢN XUẤT-BẢN

1. L'Ecolier Annamite cours élémentaire et moyen par Phạm-Tá 0\$45
2. Le Petit Ecolier, cours enfantin et élémentaire par Phạm-Tá et Lê-vân-Lê 0.35
3. Le Français par soi-même — Nguyễn-hoài-Đĩnh 0.80
4. La Langue Française expliquée en Annamite par Ng.-hoài-Đĩnh, Ng.-Điền, Ng.-bá-Phổ 0.80
5. 200 Bài tính-đố — par Do-xuân-Nghinh 0.25
6. Ngụ-ngôn Tập-Độc — par Trần-tuân-Khai 0.30
7. Học Quốc-Ngữ, A, B, C, par Bùi-miền-Quân 0.05
8. Vị-Xuyên thi-văn tập — Trần-kế-Xương 0.30
9. Đại-Việt Địa-Dư — Lương-vân-Can 0.30
10. Hiếu-Kinh — Lương-vân-Can 0.25
11. Âu-Học Tùng-Đàm — Lương-vân-Can 0.30
12. Thương-Học Phương-Châm — Lương-vân-Can 0.25
13. Việt-Văn Dân-giải — Á-Nam-biên-Tập 0.25
14. Luận-ngữ Loại ngữ Ôn-Như Lương-vân-Can 1, 2, 3 1.20
15. Phổ-chiêu-thiên-sư thi-văn-tập, Sử-Cuồng 0.30
16. Nhật-ký sự-vợ — Có bài tựa của Phạm-Quỳnh 0.50
17. Đức-Thánh-Giống — Lịch-sử Tiểu-thuyết 0.25
18. Nhị-Độ-Mai-tiên-thuyết — par Kim-Giang 0.60
19. Gương-Bác-Ái — Đức-Viên soạn 0.20
20. Bài hát nhà quê — Trần-tuân-Khai soạn 0.10
21. Tuyết-Hồng Lệ-Sử, Từ-triêm-Á soạn, Mai-Nhac dịch 0.46
22. Sách chơi xuân, Qui-Dậu 0.30
23. Những áng văn hay 0.50
24. Thơ Đồng-Hồ 0.35

VĂN-ĐÀN BẢO-GIÁM

Là tập đầu của kho sách Văn-Học Tùng-Thư, lại có hình-ảnh Vua Tự-Đức và nhiều hình-ảnh các bậc Văn-hào như cụ Nguyễn-Trãi, Phương-Dinh, Đặng-xuân-Bảng, Yên-Đỗ, Dương-Khuê, Dương-Lâm, Chu-mạnh-Trinh, Vũ-phạm-Hàn, có hai bức ảnh đặc-biệt, Việt-Nam tuất-nhĩ Sử-Thần, Thế-giới thập-bát Văn-Hào. Nguyên bộ Văn-Đàn Bảo-Giám có ba tập, dày trên 700 trang, có ngót 2.000 bài văn thơ kiệt-tác, từ đời Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, Nguyễn, thật là pho sách rất quý-báu, xưa nay chưa từng có.

Quyển thứ nhất in lần thứ ba 1.00

Quyển thứ hai đang in lần thứ hai 0.70

SÁP XUẤT-BẢN

Văn-Đàn Bảo-Giám quyển thứ hai.
Lối văn phê-bình Nhân-vật và Văn-chương, (1) của Thiệu-Son.

(1) Đến tháng Novembre 1933 sẽ in xong.

Các thứ sách kể trên đây, ở trong Nam-ký thu' có trữ bán lẻ và bán sỉ lại báo quán Phụ-nữ Tân-văn. Còn ở Bắc xin do nơi nhà xuất-bản.

Nam-ký Thu'-Quán

Nº 17, Boulevard Francis Garnier
HANOI

NỮ-CÔNG HỌC-ĐƯỜNG

DAY VĂN-HỌC VÀ NỮ-CÔNG

Nº 81-83, Rue Huỳnh-quang-Tiến — Saigon

(ngăn gare Arras)

Trường dạy Nữ-học-sanh từ lớp đồng-ấu (Cours Enfantin) cho tới lớp đệ tứ niên (4^e année).

Trường chọn-rong các Cô có cấp-bằng Brevet Supérieur và Diplôme để dạy các em cho mau thành đạt.

Trường nhờ có bà PHAN-VÂN-GIA dạy Français, và nhiều Cô chuyên môn dạy giúp mỗi Cô một khoa riêng. Ngày thứ năm có dạy Nữ-Công từ lớp tư tới lớp nhất.

TIỀN HỌC MỖI THÁNG

LỚP HỌC	Ở NGOÀI	Ở TRONG
Lớp đệ nhất niên tới đệ tứ niên	7\$00	17\$00
Lớp nhất	5.00	15.00
id nhì	4.00	14.00
id ba	3.00	13.00
id tư	2.00	12.00
id năm	1.50	11.00
id chót	1.00	10.00
Lớp Nữ-Công	6.00	15.00

Trường cũng có lãnh dạy thêm máy Tây, máy Tàu, thêu Bắc, dạy đường lược khăn dạy thêu chỉ laine, ép bông nhung, dạy lót áo dài, dạy may choàn bằng nhung, may đồ Đầm, đồ Tây, dạy đủ thứ bánh mứt, dạy nấu đồ cổ theo cách Tây, Tàu và Ta. Học Nữ-Công đủ ba tháng, trường có cho bằng-cấp. Trường có dạy đánh máy viết (Dactylographie), viết chữ tác (Sténographie), dạy bút toán (Comptabilité), và dạy tiếng Anh (Anglais) cho qui Cô đi giúp việc các nhà buôn. Ở ngoài học Nữ-Công mỗi một khoa 6\$00 một tháng, trường cũng có dạy học bằng cách gởi bài tới nhà (Cours Correspondance) rất tiện cho chị em học thêm Français và Toán.

Thư từ gởi cho Cô Thanh-Tâm Institutrice Nº 81, Rue Huỳnh-quang-Tiến, Saigon.

THÊU MÁY!

Mme TRƯƠNG-VÂN-HUÂN

200 rue d'Espagne, SAIGON

Lãnh dạy thêu máy, thêu chỉ laine (thêu tay và thêu máy) và bán các đồ phụ-tùng thêu máy. Mời lại nhiều chỉ màu.

Le Directeur Gérant : NGUYỄN-ĐỨC-NHUẬN